

**PHỤ LỤC I : BẢNG MÔ TẢ VẬT TƯ TIÊU HAO KHÔNG THEO BỘ
GÓI 6 MUA SẴM HOÁ CHẤT THÔNG THƯỜNG, VẬT TƯ TIÊU HAO NĂM 2023**

Kèm theo thư mời số: /TM-VYHPKKQ

Mã thầu	Tên hàng hoá mời chào giá	SL dự kiến	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương
L1	Áo phẫu thuật gia cố thân	500	bộ	Gồm: Giấy gói, kích thước 50x55cm, số lượng 1 Áo phẫu thuật gia cố thân các cỡ số lượng 1 Khăn thấm kích thước 30x40cm, số lượng 2, Vải không dệt SMS chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.
L2	Băng bột bó 3 inch	600	Cuộn	Nguyên liệu: được làm bằng sợi vải cotton và thạch cao với mật độ sợi vải theo chiều dọc là : 9 sợi/ cm, chiều ngang là 6 sợi/cm. Màu: trắng. Tiết trùng. Thời gian đông cứng của sản phẩm là từ trên 2 phút và không nhiều hơn 15 phút. Kích thước của sản phẩm: Chiều rộng: 10 cm. Chiều dài: 2.7m. Đạt TC ISO 13485:2016, EC
L3	Băng bột bó 4 inch	400	Cuộn	Nguyên liệu: được làm bằng sợi vải cotton và thạch cao với mật độ sợi vải theo chiều dọc là : 9 sợi/ cm, chiều ngang là 6 sợi/cm. Màu: trắng. Tiết trùng. Thời gian đông cứng của sản phẩm là từ trên 2 phút và không nhiều hơn 15 phút. Kích thước của sản phẩm: Chiều rộng: 10cm. Chiều dài: 2.7m. Đạt TC ISO 13485:2016, EC
L4	Băng bột bó 6 inch	300	cuộn	Nguyên liệu: được làm bằng sợi vải cotton và thạch cao với mật độ sợi vải theo chiều dọc là : 9 sợi/ cm, chiều ngang là 6 sợi/cm. Màu: trắng. Tiết trùng. Thời gian đông cứng của sản phẩm là từ trên 2 phút và không nhiều hơn 15 phút. Kích thước của sản phẩm: Chiều rộng: 15cm. Chiều dài: 2.7m. T. Đạt TC ISO 13485:2016, EC
L5	Băng cá nhân 20mmx60mm	50000	Miếng	- Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide - Keo oxid kẽm, miếng gạc thấm hút bằng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene. - Thấm hút $\geq 500\%$, lực dính 2,2-9,4 N/cm. - Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương
L6	Băng cuộn xô 10cm x 5m	600	cuộn	Được làm từ gạc màu trắng không ô vàng, không mốc,, Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không có xơ, dễ xé ngang. Độ lệch sợi: Không quá 5 sợi mỗi bên. Kích thước: Chiều dài 5.0m \pm 0.2m; Chiều rộng 10 cm \pm 0.4cm. Đạt TC ISO 13485:2016
L7	BĂNG DÁN VỎ TRÙNG TRONG SUỐT 10*12cm	200	Cái	* Giấy lót phủ Silicon: 15 - 65%. * Film Polyurethane: 2 - 15%. * Keo Acrylate : 3 - 30% * Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương
L8	BĂNG DÁN VỎ TRÙNG VẾT MỎ 6*7 CM	200	Cái	* Giấy lót phủ Silicon: 15 - 65%. * Film Polyurethane: 2 - 15%. * Keo Acrylate : 3 - 30% * Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương
L9	Băng dính co giãn vải lụa 1.25cm	500	Cuộn	- Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate. - Số sợi tối thiểu 44x19,5 sợi/cm, trọng lượng của khối phủ khoảng 50-60 g/m2, lực dính 1,8-5,5 N/cm. - Keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều. - Tiêu chuẩn CE. ISO 13485 hoặc tương đương
L10	Băng dính co giãn vải lụa 2.5cm	1000	Cuộn	- Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate. - Số sợi 44x19,5 sợi/cm, trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m2, lực dính 1,8-5,5 N/cm. - Keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều. - Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương
L11	Băng dính co giãn vải lụa 5cm	220	Cuộn	- Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate. - Số sợi 44x19,5 sợi/cm, trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m2, lực dính 1,8-5,5 N/cm. - Keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều. - Tiêu chuẩn CE. hoặc tương đương

L12	BĂNG DÍNH HẤP	1000	CÁI	Chỉ thị hóa học loại 5 kiểm soát chất lượng tiết khuẩn hơi nước, tiêu chuẩn EN ISO 11140-1. Đánh giá 3 thông số: Nhiệt độ, thời gian, hơi nước. Phù hợp chương trình tiết khuẩn 121°C tới 135°C. 20 chỉ thị/ tờ. Kích thước chỉ thị: 65 * 14 mm. Sự đổi màu từ vàng sang đen
L13	Băng Opsite – Màng mô vô trùng 15*28	500	Miếng	Chất liệu Polyurethane trong suốt được phủ keo acrylic và được dán lên tấm giấy phủ silicone một mặt màu trắng trọng lượng khoảng 120 g/m2 ± 5 g/m2. - Độ dày sản phẩm 25 micron ± 3 micron. - Trọng lượng phủ của chất keo dính 35 g/m2 ± 10%. - Độ bám dính ≥10 Newtons/25 mm - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO)
L14	Băng OPSITE 30*28	100	CÁI	Chất liệu Polyurethane trong suốt được phủ keo acrylic và được dán lên tấm giấy phủ silicone một mặt màu trắng trọng lượng khoảng 120 g/m2 ± 5 g/m2. - Độ dày khoảng 25 micron ± 3 micron. - Trọng lượng phủ của chất keo dính 35 g/m2 ± 10%. - Độ bám dính ≥10 Newtons/25 mm - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO)
L15	Băng OPSITE 45*55''	50	CÁI	- Sản phẩm làm từ chất liệu Polyurethane trong suốt được phủ keo acrylic và được dán lên tấm giấy phủ silicone một mặt màu trắng trọng lượng khoảng 120 g/m2 ± 5 g/m2. - Độ dày khoảng 25 micron ± 3 micron. - Trọng lượng phủ của chất keo dính 35 g/m2 ± 10%. - Độ bám dính ≥10 Newtons/25 mm - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO)
L16	Băng thun 3 móc 7.5cm	100	Cuộn	Băng thun màu trắng, sợi polyester, spandex và sợi cotton, trọng lượng 90 g/m2, co giãn 200%, có kiểm tra vi sinh.
L17	Băng vô trùng cố định kim luồn	2000	Miếng	Vải nền đan không dệt, co giãn, thông thoáng. Băng 6cm x 7cm. Gạc 1.5cm x 2.5cm thấm hút dịch, cố định, che chắn chỗ kim luồn. Phủ keo Acrylic an toàn cho mọi loại da. Tiệt trùng bằng E.O Gas. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
L18	Bình oxy đóng chai 10L	100	Bình	≥99,4% oxy tinh khiết, được nén trong bình 10l chuyên dụng, áp suất nạp 150atm trên thân chai có đầy đủ nhãn mác(nhà SX, tên SP, Chất lượng, ngày sản xuất) nhà thầu cam kết cho mượn vỏ bình tec trong thời gian lưu hành, đổi bình
L19	Bình oxy đóng chai 40L	300	Bình	≥99,4% oxy tinh khiết, được nén trong bình 40l chuyên dụng, áp suất nạp 150atm trên thân chai có đầy đủ nhãn mác(nhà SX, tên SP, Chất lượng, ngày sản xuất) nhà thầu cam kết cho mượn vỏ bình tec trong thời gian lưu hành, đổi bình
L20	Bình XL oxy lỏng 175kg	50	Bình	≥99,4% oxy tinh khiết, được chứa trong bình tec lỏng 175l chuyên dụng trên thân tec có đầy đủ nhãn mác(nhà SX, tên SP, Chất lượng, ngày sản xuất) nhà thầu cam kết cho mượn vỏ bình tec trong thời gian lưu hành, đổi bình
L21	Bộ dây truyền máu.	1000	Bộ	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥ 1500mm. Kèm kim sắc truyền 18G Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Dây dài ≥1500mm hoặc điều chỉnh theo yêu cầu, làm từ chất liệu PVC y tế không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200µm, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml
L22	Bộ dụng cụ dùng trong dẫn lưu/hút dịch 200ml FR.10	300	Bộ	Sản phẩm bao gồm bộ tản nhiệt 3-4 lò xo, ống PVC, công nối Y, ống thoát nước PVC, Trocar bằng thép không gỉ. Bộ tản nhiệt 3 lò xo làm giảm thiểu sự thiếu hụt của điện trở. Có thể thay thế ống thoát nước PVC bằng ống thoát nước silicone nếu cần.
L23	Bộ dụng cụ dùng trong dẫn lưu/hút dịch 400ml FR.14	300	Bộ	Sản phẩm bao gồm bộ tản nhiệt 3-4 lò xo, ống PVC, công nối Y, ống thoát nước PVC, Trocar bằng thép không gỉ. Bộ tản nhiệt 3 lò xo làm giảm thiểu sự thiếu hụt của điện trở. Có thể thay thế ống thoát nước PVC bằng ống thoát nước silicone nếu cần.

L24	Bộ gậy tê ngoài màng cứng	5	CÁI	<p>Bộ gậy tê ngoài màng cứng đầy đủ phụ kiện bao gồm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kim Tuohy 18G có cánh OD=1.3mm, ID=1.0mm x L= 80mm, tổng chiều dài 105mm, vạch chia độ 30 đến 70mm x 10mm từ đầu kim 2. Bơm tiêm kháng lực LOR 10ml, không latex. 3. Catheter Polyether Block Amide, lỗ cuối đầu xa đóng, 3 lỗ bên so le và cách nhau 4mm, OD=0.9mm x 915mm, vạch đánh dấu 50 đến 150mm x 10mm và 200mm từ đầu ống, thể tích mỗi 0.8ml. 4. Đầu nối catheter EpiFuse màu vàng, dạng nắp bật, phẳng, 5. Bộ lọc ngoài màng cứng, màng lọc hydrophilic 0.2µm, sử dụng tối thiểu 96h 6. Dụng cụ kết nối dẫn đường catheter vào kim. <p>* Tiết trùng EO, không latex.</p>
L25	Bộ huyết áp, ống nghe	30	Bộ	<p>Quả bóp bóng bằng cao su, dây dẫn khí bằng nhựa dẻo chịu áp lực cao. Đồng hồ hiển thị tiêu chuẩn. Băng vải bên trong có túi khí chịu áp lực cao.</p>
L26	Bộ khăn chính hình tổng quát kiểu 1	20	bộ	<p>Bộ khăn gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 x Khăn trải bàn dụng cụ 200 x 200cm. - 1 x Khăn phủ đầu: 200x 210cm - 1 x Thun băng 3 móc 10x540 cm - 1 x Khăn đa dụng 100cm x 120cm - 1 x Khăn xẻ rãnh không thấm 200 x 300cm - 1 x Khăn chính hình cao cấp 200 x300 cm - 1 x Bao phủ chi 35 x 115 cm - 4x Khăn thấm 30 x 40 cm - 4 x Băng keo OP 10x50 cm, Vải không dệt SMS chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.
L27	Bộ khăn chính hình tổng quát kiểu 2	100	Bộ	<p>Khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm. Kt 160cm x 200cm x 01 cái: Vải SMMMS, 50gsm, màng phim plastic Khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm. Kt 160cm x 165cm x 01 cái: Vải SMMMS, màng phim plastic 4 x khăn thấm 30x40cm 2 x băng keo y tế 9x50cm 1 x khăn tiếp cận 80x120cm 1x Khăn chữ U thấm 200 x 310 cm với hình chữ U 12 x 75 cm gia cố vùng siêu thấm (băng keo y tế bằng chất liệu acrylic, dính tốt trên da trong thời gian phẫu thuật dài, không gây kích ứng da), 1 x khăn chữ U 160x230cm (dùng để trải lớp dưới, có băng keo y tế quanh chữ U 12x75cm), 1 x khăn phủ ngang 160x260cm (có gia cố vùng siêu thấm tại phẫu trường, có băng keo y tế), 1 x Bao chi dưới 28x85cm, làm từ vải bán thấm, vải 2 lớp, lớp bên trong thấm, lớp bên ngoài không thấm. Bộ khăn đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016.</p>
L28	Bộ khăn nội soi khớp gối kiểu 1	100	bộ	<p>1x thun băng 3 móc, kích thước 10x540 cm 2x khăn thấm, kích thước 30x40 cm 2x băng keo OP, kích thước 10x50 cm 1x bao phủ chi, kích thước 28x85 cm 1x khăn nội soi khớp gối, kích thước 250x320 cm 1x khăn trải bàn dụng cụ, kích thước 200x200 cm. Vải không dệt SMS chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.</p>
L29	Bộ khăn nội soi khớp gối kiểu 2	100	Bộ	<p>Gồm 1 Khăn trải bàn dụng cụ, 1 Khăn nội soi khớp gối có túi chứa dịch. Chất liệu vải không dệt 5 lớp cao cấp; 4 áo phẫu thuật chống thấm cồn, chống nước, chống tĩnh điện, các phụ kiện kèm theo.</p>

L30	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát kiểu 3	160	Bộ	<p>Bộ khăn làm từ vải chống thấm 5 lớp, tiệt trùng bằng khí EO. Bộ khăn gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 x Khăn trải bàn dụng cụ $L \geq 140 \times 200\text{cm}$. Vải 2 lớp: 1 lớp SMMMS, 43 gsm chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Gia cố thêm 1 lớp Plastic chống thấm. - 1 x Khăn phủ đầu: $\geq 160 \times 250\text{cm}$ - Làm từ vải SMMMS 43 gsm, - 1 x Khăn phủ chân $\geq 180 \times 200$ - Làm bằng vải SMMMS 43 gsm, - 2 x Khăn phủ bên làm bằng vải 5 lớp SMMMS, 43 gsm $\geq 80\text{cm} \times 90\text{cm}$ - 4 x Khăn thấm làm bằng vải spunlace $\geq 30 \times 40\text{cm}$ - 1 x Băng keo OP $\geq 9 \times 50\text{cm}$ - 2 áo phẫu thuật size L - 1 áo phẫu thuật XL <p>Bộ khăn đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, Tiệt trùng: ISO 11135:2014.</p>
L31	Bơm cho ăn	600	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương
L32	Bơm tiêm nhựa 10ml	45000	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích 10ml, nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23G, 25G. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương
L33	Bơm tiêm nhựa 1ml	4000	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 1ml, nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương
L34	Bơm tiêm nhựa 20ml	3000	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Bề mặt gioăng phẳng phù hợp dùng cho máy tiêm điện giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23G. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương
L35	Bơm tiêm nhựa 50ml	1300	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương
L36	Bơm tiêm nhựa 5ml	120000	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23G, 25G. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).- Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương
L37	BÓNG BÓP AMBU NGƯỜI LỚN, TRẺ EM	15	bộ	<p>Chất liệu: nhựa PVC, Đám bảo bền, độ đàn hồi cao Van đóng mở tốt Mask không có cạnh sắc, Bơm hơi có van an toàn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>
L38	BÓNG BÓP AMBU TRẺ EM	5	bộ	<p>Chất liệu: nhựa PVC, Đám bảo bền, độ đàn hồi cao Van đóng mở tốt Mask không có cạnh sắc, Bơm hơi có van an toàn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>
L39	Bóng đèn hồng ngoại	20	cái	Công suất: >250w
L40	Bông hút đóng gói	300	gói	100% bông xơ tự nhiên có tính thấm hút tốt. Gói 100g. Tiêu chuẩn ISO 13485
L41	Bông y tế - thấm nước	200	Kg	100% bông xơ tự nhiên có tính thấm hút tốt.

L42	Bút đánh dấu vết mô	100	Cái	Bao gồm thước đo 15 cm, đầu nhỏ, đóng gói vô trùng
L43	CANUYN MAYO các số	20	Cái	Thiết kế bán cứng, không độc hại, linh hoạt và không gây kích ứng - Các cạnh được hoàn thiện mịn và bo tròn, ít sang chấn miệng, tối đa hóa sự thoải mái cho bệnh nhân - Đường dẫn khí êm ái giúp làm sạch dễ dàng
L44	CATHETER 3 NỒNG	50	Bộ	Một bộ bao gồm: Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, đường cân quang rõ nét. Kim dẫn đường chữ Y , cỡ 18GA , Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032"x60cm, nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol), đầu chữ J, Ống nong cỡ 8Fr , 1bơm tiêm 5ml, 1 lưỡi dao mổ ,1 kẹp giúp cố định ống Catheter,1 tếp chỉ phẫu thuật ,1 kim tiêm nhỏ . Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016, CE hoặc tương đương
L45	CÂY ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN KHÓ NHÔM	500	Cái	Kháng nhiệt và chống gập khúc đảm bảo tính linh hoạt của ống, hoàn toàn phù hợp với đường thở - Có nối connector 15mm. Thân ống có vạch cân tia X-quang - Ống được in với kích thước, chiều dài và các thông tin khác để tham khảo trực quan nhanh chóng - Thành ống nhẵn, mỏng, ngăn cản chất tiết tụ lại - Với đường cân quang dọc theo ống - Đầu ống có lỗ thông khí phụ (Murphy eye) - Có sẵn với ống định hình miệng, hình chữ U cong. đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương
L46	CHẠC BA CÓ DÂY NỔI	1000	cái	Có 2 lỗ thông trong và 1 lỗ thông ngoài. Có van bảm khi dùng chính xác tại mỗi vị trí để đảm bảo độ chính xác.Quay 360 độ.Có nắp, có vỏ và khóa xoay. Khí hydro tinh: lên tới 1.5kgf/5 phút Khối lượng khoảng không chết: ≤0.1ml Mô men xoắn: ≤0.15N.m. Tỷ lệ dòng chảy: ≥198ml/min. Kèm dây nối dài 25cm hoặc 10cm, chống lipid, kích thước I.D 1.0mm, O.D 2.0mm. Tiết trùng. Hộp 40 cái. Đạt TC ISO 13485:2016, EC hoặc tương đương
L47	Chạc ba nổi có dây dẫn	1000	Cái	- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh
L48	'Chi phẫu thuật tự tiêu loại Vicryl (Polyglactin) 1/0	120	Sợi	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương
L49	'Chi phẫu thuật tự tiêu loại Vicryl (Polyglactin) 2/0	96	tép/sợi	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương
L50	'Chi phẫu thuật tự tiêu loại Vicryl (Polyglactin) 3/0	96	tép/sợi	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương
L51	'Chi phẫu thuật tự tiêu loại Vicryl (Polyglactin) 4/0	120	tép/sợi	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 22mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương
L52	'Chi phẫu thuật tự tiêu loại Vicryl (Polyglactin) 5/0	48	tép/sợi	Số 5/0 kim tròn 1/2C, kim 17mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương
L53	'Chi phẫu thuật tự tiêu loại Vicryl (Polyglactin) số 0	24	tép/sợi	Số 0 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO.

L54	Chi Polypropylene 4.0	96	SỢI	Số 4/0 2 kim tròn 1/2C, kim 20mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là Chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L55	Chi Polypropylene 5.0	48	SỢI	Số 5/0 2 kim tròn 1/2C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là Chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L56	Chi Polypropylene số 2/0	60	SỢI	Số 2/0 2 kim tròn 1/2C, kim 25mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là Chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L57	Chi Polypropylene số 3/0	96	SỢI	Số 3/0 2 kim tròn 1/2C, kim 25mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là Chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L58	Chi Silk số 1 liền kim	48	SỢI	Chỉ không tiêu, chất liệu Silk số 1, dài 75cm, kim tam giác 3/8c, dài 24mm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương.
L59	Chi Silk số 2/0 liền kim	48	tép/sợi	Số 2/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương
L60	Chi Silk số 3/0 liền kim	48	tép/sợi	Số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu tiết trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ.
L61	CHỈ TIÊU ĐƠN SỢI PDS SỐ 3.0	48	SỢI	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tổng hợp đơn sợi tự tiêu tiết trùng, gồm có Polydioxanone, chỉ được nhuộm màu tím. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 180 đến 210 ngày.
L62	Chi CATGUT CHROMIC 2/0 kèm kim	24	tép/sợi	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L63	Chi CATGUT CHROMIC 3/0 kèm kim	24	tép/sợi	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L64	Chi CATGUT CHROMIC 4/0 kèm kim	24	tép/sợi	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L65	Chi Nylon (DAFILON) SÔ 4.0	60	SỢI	Số 4/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L66	Chi Nylon (DAFILON) SÔ 1.0	48	SỢI	Số 1 kim tam giác 3/8C, kim 30mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L67	Chi Nylon (DAFILON) SÔ 2.0	48	SỢI	Số 2/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO.
L68	Chi Nylon (DAFILON) SÔ 3.0	300	tép/sợi	Số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L69	Chi Nylon (DAFILON) số 5/0	120	SỢI	Số 5/0 kim tam giác 3/8C, kim 16mm-19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO.
L70	Chi Nylon (DAFILON) số 6/0	24	tép/sợi	Số 6/0 kim tam giác 3/8C, kim 12mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L71	Chi Nylon (DAFILON) số 7/0	24	tép/sợi	Số 7/0 kim tam giác 3/8C, kim 12mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L72	Chi Nylon (DAFILON) số 8/0	24	tép/sợi	Số 8/0 2 kim hình thang 3/8C, kim 6.2mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 30cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO
L73	Chi Nylon (DAFILON) số 9/0	24	tép/sợi	Số 9/0 2 kim hình thang 3/8C, kim 6.2mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 30cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO

L74	CHỈ THỊ HẤP 3M	10	Cuộn	Băng keo chỉ thị nhiệt với vạch mực chuyên màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn hay chưa. Kích thước 18mmx55m. - Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiệt khuẩn - Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C và 132°C-134°C - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
L75	Chỉ tự tiêu Polyglycolic Số 1/0	96	tép/sợi	Số 1 kim tròn 1/2C, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Đạt tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương.
L76	Chỉ tự tiêu Polyglycolic Số 2/0	96	tép/sợi	Chỉ tự tiêu Polyglycolic Acid số 2/0, dài 75cm-màu tím. Kim tròn dài 26mm, kim cong 1/2. Thành phần gồm 100% Glycolide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Đạt tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương.
L77	Chỉ tự tiêu Polyglycolic Số 3/0	240	tép/sợi	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Đạt tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương.
L78	Chỉ tự tiêu Polyglycolic Số 4/0	48	tép/sợi	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 22mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Đạt tiêu chuẩn CE, ISO.
L79	Clip 300	300	Cái	Phù hợp sử dụng cho bất kỳ cấu trúc mô thẳng hoặc mạch máu để cầm máu trong quá trình phẫu thuật
L80	CLIP polymer Hem-o-lok	400	CÁI	Dài khoảng 33cm, đường kính từ 0,5cm - 1cm, làm từ thép không gỉ chất lượng cao. Chất liệu: Polymer không tiêu đảm bảo độ tương thích sinh học cao
L81	CLIP TITANIUM	100	Cái	Chất liệu titanium tinh khiết, dạng chữ V, hình dạng hình tam giác, màu vàng, mặt trong có rãnh, chống trượt, kích thước: rộng 4.2-11mm, cao khi mở: 3.0-10.7mm, cao khi đã kẹp: 3.6-12.3mm . Dùng kẹp mạch máu trong phẫu thuật nội soi hoặc mổ mở. Tiêu chuẩn ISO, CE
L82	Cồn 70 độ	500	Lít	Cồn đạt 70 độ, Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng
L83	Cồn 96 độ	2000	lít	Cồn đạt 96 độ, Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng
L84	DẪN LƯU TRẺ EM NGƯỜI LỚN	50	CÁI	Ống dẫn lưu được làm từ nhựa PVC hoặc tương đương, ống dây mềm có tính đàn hồi. Màu trắng tự nhiên dễ dàng quan sát bên trong. Có chiều dài ≥ 396mm. Đường kính bên trong ống: 5.0mm và 7.0mm. Đường kính bên ngoài ống: 7.0mm và 10.0mm. Có 2 loại ống dẫn lưu có lỗ hoặc không lỗ. Đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L85	DAO ĐIỆN DÙNG MỘT LẦN	500	CÁI	'Dùng cho các loại dao mổ điện cao tần, sử dụng 1 lần, chiều dài dây 3m, kiểu giác cầm: giác dẹt 3 chân. Tiệt trùng bằng khí EO Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 .
L86	Dầu Parafin	10	Chai	Dầu parafin trắng trong, không màu
L87	Dây dẫn thuốc (bơm tiêm điện)	1000	Cái	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong 0.9mm, đường kính ngoài 1.9mm, có khoá chặn dòng, không độc tố. Độ dài của dây nối các cỡ 30/75/140/150 cm. Tiệt trùng bằng EO, không Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥ 1500mm. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1".
L88	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm),	15000	Bộ	Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng, có màng dán thoát
L89	Dây garo có khóa	160	cái	Dây chun có độ đàn hồi tốt, đảm bảo độ bền, không rão Khóa cài nhạy, bấm nhẹ, dễ mở
L90	Dây hút đàm nhớt các cỡ	500	Cái	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khoá van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Đạt tiêu chuẩn. Có miếng dán thoát khí EO theo tiêu chuẩn CE. Tiêu chuẩn CE.
L91	Dây hút dịch không nắp/có nắp	500	Cái	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khoá van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. có màng dán thoát khí EO theo tiêu chuẩn CE. Đạt tiêu chuẩn CE

L92	Dây Oxy hai nhánh các cỡ	1500	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gong mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO
L93	Đề lưới gỗ đã tiệt trùng	2000	Cái	Được làm từ gỗ tự nhiên, và được tiệt trùng bằng khí EO. Kinh thước: 150mm x 20mm x 2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
L94	Điện cực tìm người lớn, trẻ em	3600	miếng	KT: 35 x 41mm, dùng cho người lớn và trẻ em Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân.
L95	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt và dụng cụ y tế	5	Can 5L	Didecylidimethylammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w ; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%.
L96	Dung dịch rửa tay	40	can 5L	Chlorhexidine Digluconate 1% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, ...) vừa đủ 100%.
L97	Dung dịch rửa vết thương	200	chai	Berberin HCl, Nano bạc, Thymol, nước tinh khiết
L98	Dung dịch sát khuẩn (DUNG DỊCH CIDEX 14 NGÀY)	40	Can 5L	<ul style="list-style-type: none"> + Tính năng sản phẩm: Khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế, dụng cụ phẫu thuật, dụng cụ nội soi và dụng cụ không chịu nhiệt. + Thành phần cấu tạo: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, pH=7 Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. + Chất liệu, kích thước: Khử khuẩn mức độ cao. Đóng chai nhựa, quy cách can 5 lít. Thời gian bảo quản dung dịch trong can sau khi mở nắp đến 3 năm. +Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương
L99	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ Cidezyme	15	Chai 1L	<ul style="list-style-type: none"> + Tính năng sản phẩm: Tẩy rửa dụng cụ nội khoa, ngoại khoa, bồn rửa siêu âm hoặc máy rửa dụng cụ tự động + Thành phần cấu tạo: Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase. Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa + Chất liệu, kích thước: Dung dịch làm sạch dụng cụ chứa 5 Enzyme. +Tiêu chuẩn chất lượng:tiêu chuẩn ISO13485, ISO/TS 15883-5 Thời gian: từ 5 phút
L100	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ Cidezyme	5	can 5L	Enzyme Protease 4% (w/w); Enzyme Lipase 0.5% (w/w); Enzyme Amylase 0.3%(w/w); Alcohol Ethoxylate 8% (w/w) và các chất phụ gia vừa đủ 100%.
L101	Gạc hút loại A	1300	mét	Gạc hút nước hoàn toàn trắng, không được có lơ hoặc màu phụ để làm trắng. Mỗi centimet vuông có ≥ 10 sợi dọc, ≥ 8 sợi ngang. Gạc hút nước chỉ có sợi bông, không được có loại sợi nào khác. Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. Khô 0,75m - 0,85m.
L102	Gạc MECHE	50	CAI	100% cotton, có hoặc không có sợi cân quang
L103	Gạc paraffin vô trùng	1000	miếng	Gauze pads; paraffin
L104	Gạc phẫu thuật 10*10*12 LỚP	200	CAI	100% cotton, an toàn, có khả năng tự hủy, 10cm*10cm*12 LỚP
L105	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30*40*6 LỚP	200	CAI	100% cotton, an toàn, có khả năng tự hủy, 30cm*40cm*6 LỚP
L106	Găng hộ lý	10000	Đôi	Găng tay cao su loại dày, dài ≥ 33 cm, mềm mại, co giãn tốt, độ bền cao.
L107	Găng khám có bột các cỡ	100000	Đôi	Nguyên liệu cao su tự nhiên có bột. Bề mặt trơn nhẵn. Trọng lượng găng cỡ M: 5,4 \pm 0,2g. Độ dày ngón tay nhỏ nhất 0,1, lòng bàn tay nhỏ nhất 0,09; cổ tay nhỏ nhất 0,08. Trước và sau hóa già có độ bền sức căng nhỏ nhất là 18 và 14 (Mpa), độ giãn dài nhỏ nhất là 650 và 500%. Lượng protein tối đa 200 μ g/dm ² . Lượng bột tối đa 10mg/dm ² .
L108	Găng phẫu thuật các cỡ	3000	CÁI	Sản phẩm được làm từ hỗn hợp cao su tự nhiên. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí E.O gas theo tiêu chuẩn ISO 9001, đảm bảo sản phẩm được vô trùng cho tới khi mở bao bì. Chiều dài tất cả các Size: 275 \pm 3 mm; Chiều rộng: size 6: 77 \pm 5 mm; size 6.5: 83 \pm 5 mm; size 7: 89 \pm 5 mm; size 7.5: 95 \pm 5 mm; size 8: 102 \pm 6 mm; độ dày 0.1 mm; hàm lượng protein chiết suất: thấp hơn 200 μ g/g/ 1 chiếc găng; hàm lượng bột: tối đa 10 mg/dm ²

L109	Gel bôi trơn hoặc tương đương (KY)	180	Tuýp	Gel bôi trơn, tan trong nước, không màu, không mùi, không dính, đã được tiệt trùng. Dùng cho thăm khám nội soi dạ dày, tá tràng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L110	Gel bôi vết thương hở	100	tub	Copolymer, Elastin, vitamin E, Sodium Hyaluronate, Panthenol, chiết xuất thảo dược từ dầu hạt Maca, bơ Shea, quả Hắc Mai Biển, rễ Liên mộc, hạt Dẻ Ngựa
L111	Gel điện tim và tương đương	60	tub	Gel điện tim phù hợp điện cực máy điện tim, điện não, cho chất lượng hình ảnh siêu âm tuyệt vời, giúp bảo vệ bề mặt đầu dò siêu âm không bị ăn mòn một cách nhanh chóng, không chứa formaldehyde, vô khuẩn, không mẫn cảm da, không gây rát da.
L112	Gel siêu âm	31	Can 5l	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, Không có formaldehyde, Vô khuẩn, không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus, Pseudomonas aeruginosa, Tổng số vi sinh vật hiếu khí <10 CFU/g, tổng số nấm <10 CFU/g. Không gây mẫn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương
L113	Giấy điện tim 1 bút	20	Cuộn	Giấy in điện tim 1 cân cuộn, phù hợp với máy của đơn vị Kích thước 50mm x 30m x 16mm
L114	Giấy điện tim 3 bút	10	tập	Giấy in điện tim 3 cân cuộn, phù hợp với máy của đơn vị Kích thước 63mm x 30m x 17mm
L115	Giấy điện tim 6 bút	500	Tập	Giấy in điện tim 6 cân tập, có dòng kẻ, phù hợp với máy của đơn vị Kích thước 110mm x 140mm x 142 sheets
L116	Giấy in ảnh siêu âm UPP 110S	400	Cuộn	+ Phù hợp với máy của đơn vị + Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. + Kích thước 110 mm x 20 m
L117	Giấy in công năng hô hấp	10		Đường kính cuộn giấy: 112mm, tương thích máy tại đơn vị
L118	Giấy in máy theo dõi bệnh nhân lifescope 8	50	cuộn	50mm x 100mm x 300 tờ, có kẻ.
L119	Giấy in nhiệt 57 mm	350	Cuộn	Kích thước: Chiều cao 57mm, đường kính 45mm
L120	Giấy lọc cỡ 15cm	30		đường kính 15cm, dùng trong các thí nghiệm sinh hoá
L121	Khẩu trang y tế 3-4 lớp kiểu 1	50000	Cái	Khẩu trang 4 lớp bao gồm: Lớp ngoài và lớp trong cùng: làm từ 3 lớp vải không dệt PP (Polypropylene) chống thấm hút cố định lượng từ 30gsm trở lên. Lớp giữa là 1 lớp vải lọc kháng khuẩn có độ lọc khuẩn cao ≥99,9%, có định lượng từ 25gsm trở lên. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.
L122	Khẩu trang y tế 3-4 lớp kiểu 2	100000	Cái	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 03 lớp vải không dệt 3S và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Hiệu suất lọc > 90%. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn : EN ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương. Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO.
L123	Kim cánh bướm số các cỡ	10000	Cái	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Đạt tiêu chuẩn CE
L124	Kim châm cứu các cỡ	150000	Cái	Thân kim làm bằng thép y tế không gỉ cao cấp, kim thẳng, tròn, dẻo, không có độ nhám bề mặt, mũi kim được tự động đánh bóng bằng máy, sắc bén, không gây đau. - Tay cầm kim được cuộn bằng thép không gỉ y tế cao cấp, liên kết giữa thân kim và đầu kim được cố định chắc chắn, đốc kim tròn đều và sát nhau, không sắc cạnh và màu đồng đều. - Kim được đóng gói vô trùng, dùng một lần. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE
L125	Kim chọc dò tủy sống	500	Cái	Vật liệu thép không gỉ Kim thiết kế kiểu Quincke 3 mặt vát hướng xiên thuận tiện cho người dùng, thân kim có vạch đánh dấu độ sâu, chuôi kim trong suốt đảm bảo phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra, cánh có thể tháo rời để kiểm soát tốt hơn. Có kim dẫn đường để hỗ trợ khi dùng kim nhỏ - Đường kính kim từ 18G-> 27G. Chiều dài 90mm (31/2"). * Tiệt trùng EO, không độc hại, không pyrogenic * Tiêu chuẩn ISO; CE"
L126	Kim lấy thuốc 18G	10000	Cái	Kim các số G18, G20, G23, Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE

L127	Kim luồn 14G	1000	cái	Kim làm bằng thép không gỉ. Các số từ 14G-24G - Kim có công bơm thuốc bỏ xung, nắp dây bật rẽ dàng. Đầu catheter thon nhọn 2 lần. Kim được cắt vát, sắc. Kim có cánh và có cửa bơm thuốc, thời gian lưu kim tối đa đến 72h. Các cỡ: 14G Tiêu chuẩn ISO13485, CE
L128	Kim luồn 18,20, 22G	5000	cái	Kim luồn không cánh không cửa, đóng gói đơn chiếc trong vỏ nhựa cứng hình bút, màu sắc tương ứng cỡ kim: Phần catheter chất liệu ETFE cứng, dai, không bị gãy, không bị toè khi chọc ven, ít gây dị ứng da, viêm da hay viêm tĩnh mạch. Tiết trùng khí EO. Cán dài, khoang chứa máu rộng. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016.
L129	LỌC KHUẨN LỌC VIRUS	100	cái	Hiệu quả lọc khuẩn $\geq 99,99\%$ • Kết hợp với màng lọc vi khuẩn chống nước. • Vỏ hình tròn • Vô trùng • Nắp đậy cửa lấy mẫu dính liền theo chuẩn. Đầu nối chuẩn ISO • Thể tích thủy triều (ml): 150-1500, khoảng tĩnh (ml): 33, Sức cản dòng chảy: 30 L / phút 5 mm H2O 60 L / phút 14 mm H2O. 90 L / phút 27.6 mm H2O Trọng lượng: 21 gam Kết nối phù hợp: 22 mmM -15/22 mmMF. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
L130	LUỖI DAO MỔ các số	1000	CÁI	Chất liệu thép không gỉ iệt trùng bằng tia Gamma. Số 10, 11, 12 ,15, 20, 21, 22. tiêu chuẩn EC, tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn
L131	MASK THANH QUẢN CỖ 2,3,4	5	CÁI	Mask thanh quản 1 nông vật liệu PVC y tế * Bóng tròn mịn vừa khít cổ họng * Có các size từ trẻ em đến người lớn:1.0/1.5/2.0/2.5/3.0/4.0/5.0,
L132	Mặt nạ khí dung	50	Cái	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, lòng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
L133	Mặt nạ thở Oxy	180	Cái	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, lòng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
L134	MŨ PHẪU THUẬT	10000	CÁI	Vải PP không dệt, Mềm mại, chắc chắn, không dễ rách khi sử dụng. Không gây kích ứng. Có kiểm định nguyên liệu không độc tố. Thun mềm 2 sợi chắc chắn, ôm khít vòng đầu.
L135	Nhiệt kế nách	50	Cái	Nhiệt kế thủy ngân, thời gian đo 3-5 phút
L136	Ống đặt nội khí quản (có bóng chèn) các cỡ	500	Cái	Ống đặt nội khí quản có bóng, làm bằng chất liệu nhựa PVC, có tia cản quang dọc thân ống. Sản phẩm được tiệt trùng 100% bằng khí EO.Các cỡ Đầu ống nhẵn mềm Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ, có nối 15mm màu xanh dày và chắc, tháo lắp được, thân ống trong đầu tù, đường cản quang màu xanh dọc thân ống. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE
L137	Ống thông niệu đạo Nelaton	50	cái	Chất liệu cao su tự nhiên phủ silicon. Có các cỡ 12-24Fr. TC ISO 13485:2016, EC
L138	Ống, dây rửa hút dùng cho thiết bị thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	300	Cái	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa)
L139	Panh có máu/không máu	10	Cái	chất liệu thép không gỉ an toàn. Pen y tế dùng kẹp bóng gòn trong thủ thuật tiêm truyền, thay băng rửa vết thương cho bệnh nhân.

L140	Phim khô y tế tương thích máy in phim khô Dryview 5950 Laser Imager CARESTREAM	6000	tờ	<p>Phù hợp với máy in Dryview CARESDREAM</p> <p>Là loại phim khô Laser kích thước 35x43 cm, có thể nạp phim theo Cartridges dưới ánh sáng thường. Phim sắc nét, độ phân giải cao và độ nhiễu thấp. Có thể lưu trữ phim được trên 100 năm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>
L141	Phim khô y tế tương thích máy in phim khô Fujifilm DryPix Smart cỡ	40000	tờ	<p>Phim khô Laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ.</p>
L142	Phim khô y tế tương thích máy in phim khô Fujifilm DryPix Smart cỡ	4000	tờ	<p>Phim khô Laser cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ.</p>
L143	Phim khô y tế tương thích máy in phim khô Fujifilm DryPix Smart cỡ	10000	tờ	<p>Phim khô Laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ.</p>
L144	Phin lọc khí đo chức năng hô hấp	120		<p>Được làm từ Polymer y tế, với đầu nối tiêu chuẩn.</p> <p>Vật liệu lọc khuẩn là sợi polypropylene tĩnh điện chất lượng cao, là vật liệu kỵ nước, không tốt cho sự phát triển của nấm, vi khuẩn và virus.</p> <p>Kích thước đầu trong cắm vào máy (mm): 27.0;28.0; 29.5; 30.5.</p> <p>Kích thước ngoài đầu cắm vào máy (mm): 29,5; 30.0; 30.5; 31.0</p> <p>Kích thước ngoài đầu cắm vào bệnh nhân (mm): 29.5</p> <p>Trở kháng (Pa): 15 tại 15 tại 30 lít/ phút</p> <p>Hiệu quả lọc khuẩn ≥ 99,99%</p> <p>Đường kính trong và đường kính ngoài đầu cắm vào máy, đường kính ngoài ống ngậm cho bệnh nhân tương thích với máy đo chức năng hô hấp của đơn vị</p>
L145	Rọ lấy sỏi 3,0 Fr,4Wires	50	Bộ	<p>Ống được làm bằng PTFE. Rọ và dây được làm bằng Nitinol. Rọ có hình dạng Helical, Tipless, Flatwire. Kích thước: 3/4Fr. Số dây của rọ: 4. Chiều dài: 70/90/120cm.</p>
L146	Săng mổ 140x160cm 2 lớp	1000	Cái	<p>Khăn phủ (đắp) phẫu thuật được làm bằng vải không dệt, chống thấm nước, cồn, không bụi vải và vi khuẩn, không có hàm lượng kim loại nặng, không bụi, không sơ vải khi sờ. Tiệt trùng bằng khí EO. Kích thước theo nhu cầu sử dụng</p>
L147	SẤU MÁY THỞ GẤP	500	CAI	<p>Catheter mount, được sử dụng cho máy thở, dùng để nối giữa nút chữ Y và thiết bị đường thở</p>
L148	Sonde JJ các cỡ, các loại	100	Cái	<p>Chất liệu Bằng Polyurethane hoặc cao cấp hơn. Bao gồm: Xông (sonde), que đẩy, chỉ rút xông. Thời gian đặt lưu trong cơ thể ≥30 ngày.</p> <p>Có các kích thước: 4,7 ÷ 8Fr. Chiều dài: ≥ 15cm.</p> <p>Đã tiệt trùng.Tiêu chuẩn ISO13485, CE</p>
L149	SONDE CHỮ T 12,14,16,18	100	cái	<p>Làm bằng cao su tự nhiên, mạ Silicon .Được sử dụng để thông túi mật. Bộ phận kết nối có đường kính lớn hơn các bộ phận khác. Kích cỡ: Fr10-Fr26. Đóng gói túi Blister Bag, 200 chiếc/carton, kích thước 49.5x37x34cm. Đạt TC ISO 13485:2016, EC</p>
L150	SONDE DẠ DÀY CÁC CỖ	150	Cái	<p>Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn TCVN 13398:</p>
L151	SONDE FOLEY HAI CHẠC CÁC CỖ	500	Cái	<p>Nguyên liệu: Cao su không độc tố được tráng silicon. Kích thước đầu tip ngắn: 15mm, độ mờ của lòng ống bên trong cho phép theo dõi sự thoát nước của ống thông, chiều dài tổng thể: 280mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 3ml-5ml. Van mềm. Có que thăm chất liệu Polyeste đường kính 0.55-0.65mm, dài 310mm.Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.</p>
L152	SONDE FOLEY 3 CHẠC CÁC CỖ	100	Cái	<p>Sonde Foley 3 nhánh số 20 Fr</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không chứa DEHP - Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên ,Phủ Silicon - Có bóng dung tích 30cc, bóng căng đều. - Lỗ thông tiểu tiểu lớn và trơn - Tráng silicon trong lòng ống - Tiệt trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí ETO. - Tiêu chuẩn ISO13485, CE
L153	Tấm trải phẫu thuật	300	CAI	<p>Thành phần: Nylon PE/ HDPE trong, chống thấm nước trải bàn, dụng cụ, quy cách: 100cm x 130cm, tiệt trùng</p>
L154	Tinh dầu xả	25	Chai 500ML	<p>không chứa acid. Thành phần: tinh dầu sả, cò</p>

L155	Túi CAMERA nội soi	500	CAI	Thành phần: Ống nylon: 18cm x 230cm; túi nylon 9cm x 14cm
L156	Túi nước tiểu có code	500	Cái	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. - Có bảng ghi thông tin bệnh nhân. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
L157	Túi vải sắc thuốc	100	túi	Kích thước 40 x 50cm chất liệu vải không dệt
L158	VẬT LIỆU CÀM MÁU DẠNG XÓP	20	Miếng	Xốp cầm máu tự tiêu gelatin 70x50x10mm. Dễ dàng sử dụng. Cầm máu hiệu quả. Độ thấm hút cao lên đến 50 lần trọng lượng của nó. Có thể định hình theo nhu cầu sử dụng. Hấp thụ hoàn toàn 3-4 tuần. Đóng gói tiệt trùng. Hộp 20 miếng. Tiêu chuẩn ISO, CE và ISO13485
L159	VẬT LIỆU CÀM MÁU DẠNG XÓP	100	Miếng	Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (Oxidized regenerated cellulose) 2.5cm x 5.1cm dạng bông xốp, nguồn gốc thực vật, chứa nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%, dễ dàng bóc tách thành nhiều lớp. Cầm máu nhanh chóng và hiệu quả nhờ pH thấp (2-4). Hạn chế phát triển vi khuẩn và tác dụng kháng khuẩn trên 99% các loại vi khuẩn kể cả MRAS, VRE, MRSE, PRSP. Tự tiêu 7-14 ngày trong cơ thể. Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.
L160	VẬT LIỆU CÀM MÁU SUGICEL	100	Miếng	Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (Oxidized regenerated cellulose) 10cm x 20cm dạng lưới mềm, nguồn gốc thực vật, chứa nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%. Cấu trúc liên kết mỏng nhẹ, dễ gấp và dễ cắt. Cầm máu nhanh chóng và hiệu quả nhờ pH thấp (2-4). Hạn chế phát triển vi khuẩn và tác dụng kháng khuẩn trên 99% các loại vi khuẩn kể cả MRAS, VRE, MRSE, PRSP. Tự tiêu 7-14 ngày trong cơ thể. Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.
L161	Vôi soda	30	Gam	* Vôi soda dùng hấp thụ CO2 trong không khí bệnh nhân thở khi gây mê toàn thân an toàn và hiệu quả * Được sản xuất từ Ca và NaOH. Chỉ thị màu trắng chuyển đổi thành tím * Dạng rắn, kích thước hạt 4x2mm, độ cứng 97%, độ ẩm 12-18% * 1 kí hấp thụ được 130L CO2 * Thích hợp cho tất cả các hệ thống thiết bị gây mê
L162	Lưới điều trị thoát vị bẹn chất liệu Polypropylene các cỡ	30	Miếng	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene 10x15cm,. Dùng cho điều trị thoát vị bằng phương pháp mở mổ hoặc nội soi. Chất liệu Polypropylene, co giãn đa chiều, đường kính 120 µm, trọng lượng 48g/m2, độ xốp ~78%, độ dày ~ 0.58mm, Độ co giãn ≥ 831µm. Sản xuất tại G7 hoặc tương đương.
L163	Dụng cụ giúp cố định lưới thoát vị	30	Cái	Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị có 30 ghim hình xoắn ốc, chất liệu Titanium. ghim cao 3.8mm, đường kính 4mm. Chiều dài phần chứa ghim 35.5cm. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương
L164	Dụng cụ phẫu thuật khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo 33mm	100	Cái	Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật cắt trĩ Longo đường kính 33mm, có 32 ghim bằng titanium nguyên chất. Chiều cao ghim trước khi dập là 3.5mm. Đầu đe tháo rời khi thao tác. Bộ nong thiết kế dạng cánh, trong suốt có vạch chia định hướng mũi khâu. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương
L165	Dây dẫn đường Guide wire	100	cái	Dây dẫn đường đầu 1 đầu cứng, 1 đầu siêu linh hoạt, Chất liệu Nitinol phủ hydrophilic, đường kính 0.032 inch - 0.035 inch, độ dài 150cm, đầu thẳng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO13485, EC
L166	Điện cực cắt đốt đơn cực hình vòng tương thích thiết bị phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz sản xuất	20	cái	Dùng trong nội soi cắt Tiền liệt tuyến, tương thích máy Karl Storz
L167	Điện cực cầm máu đơn cực hình cầu tương thích thiết bị phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz sản xuất	20	cái	Dùng trong nội soi cắt Tiền liệt tuyến, tương thích máy Karl Storz, hình cầu, đường kính 3 mm
L168	Chỉ thép	30	sợi	Chỉ thép khâu xương bánh chè, dài 60cm, kim tam giác 1/2C, dài ≥ 120mm,. Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn

L169	Bộ đỉnh nội tủy đầu trên xương đùi loại chống xoay, chất liệu titanium, đường kính 9-12mm các cỡ	10	Cái	<p>Bộ đỉnh nội tủy đầu trên xương đùi loại chống xoay, chất liệu titanium, đường kính 9-12mm. Bộ gồm 1 đỉnh, 1 vít chống xoay, 2 vít chốt khóa đầu dưới.</p> <p>Đỉnh nội tủy đầu trên xương đùi loại chống xoay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại ngắn: Có 1 lỗ bắt vít chống xoay đầu trên và 1 lỗ bắt vít khóa đường kính 4.9mm đầu dưới, chiều dài từ ≤170- ≥240mm - Loại dài: Có 1 lỗ bắt vít chống xoay đầu trên và 2 lỗ bắt vít khóa đường kính 4.9mm, chiều dài từ ≤320- ≥440mm <p>Vít chốt chống xoay cho đỉnh nội tủy đầu trên xương đùi, đường kính 10.5mm, chất liệu titanium, độ dài từ ≤70- ≥120mm, bước tăng 5mm</p> <p>Vít chốt khóa cho đỉnh nội tủy xương đùi loại chống xoay, đường kính 4.9mm chất liệu titanium, loại khóa nhanh, chiều dài từ ≤30- >80mm</p>
L170	Đỉnh Krischner, chất liệu thép không gỉ	100	Cái	Đỉnh Krischner không ren đường kính 0.8mm - 3.0mm, chất liệu thép không gỉ các cỡ
L171	Đỉnh nội tủy xương chày đa hướng, chất liệu titanium	20	Cái	<p>Đỉnh nội tủy xương chày đa hướng, chất liệu titanium, đường kính 8-11mm.</p> <p>Đỉnh có 5 lỗ bắt vít đầu gần để bắt vít theo các hướng khác nhau, trong đó có 3 lỗ bắt vít kích cỡ 5.0 mm và 2 lỗ bắt vít kích cỡ 3.9mm. Đầu xa có 3 lỗ bắt vít kích cỡ 3.9mm Chiều dài đỉnh từ ≤280mm đến ≥360mm</p> <p>Mũi bịt đầu đỉnh chất liệu titanium, dài từ 0-≥20mm, bước tăng 5mm.</p> <p>Sử dụng Vít chốt 5.0mm, chất liệu titanium, dài từ ≤30-≥64mm, Vít chốt 3.9mm, chất liệu titanium, dài từ ≤20-≥60mm</p>
L172	Đỉnh nội tủy xương đùi đa hướng, chất liệu titanium	10	Cái	<p>Đỉnh nội tủy xương đùi đa hướng, chất liệu titanium, đường kính 9-12mm, phải/trái.</p> <p>Đỉnh có 4 lỗ bắt vít kích cỡ 6.5, 5.0 mm đầu gần để bắt vít theo 2 cách khác nhau và 2 lỗ bắt vít kích cỡ 5.0 mm đầu xa. Chiều dài đỉnh khoảng từ 340 đến 440 mm (± 10mm)</p> <p>Mũi bịt đầu đỉnh chất liệu titanium, dài từ 0-≥20mm, bước tăng 5mm.</p> <p>Sử dụng Vít chốt 5.0mm, chất liệu titanium, dài từ ≤30-≥64mm, Vít chốt 6.5mm, chất liệu titanium, dài từ ≤50-≥110mm</p>
L173	Kim chọc dẫn đường, dùng cho vít qua da	150	Cái	<p>Kim chọc dò cuống sống, đường kính 3.0mm , chiều dài 15cm, mũi vát</p> <p>Đóng tiết trùng</p>
L174	Đầu đốt sóng cao tần dùng cho cột sống, tạo hình nhân nhầy đĩa đệm và bệnh lý cơ, xương khớp	30	Cái	<p>Kim đốt loại 3 trong 1, vừa có chức năng dẫn đường vào diện khớp vừa tích hợp chức năng điều trị giảm đau bằng sóng cao tần RF (radiofrequency) và PRF (pulse radiofrequency). Kim đốt rẽ nhánh trong và đốt tạo hình nhân nhầy đĩa đệm dài 60/100/150/200mm kích thước tương ứng đk 21G/22G/20G/23 G. Kim có các chế độ kích thích dây thần kinh cảm giác, chế độ kích thích dây thần kinh vận động. Kim có nhiều chế độ đốt: đơn cực (monopolar), lưỡng cực (bipolar) và đa cực (tripolar). Tiêu chuẩn CE/ISO xuất xứ G7 hoặc tương đương</p>
L175	Kim chọc dây xi măng tương thích với vít đa trục bơm xi măng loại rỗng	150	Cái	<p>Kim chọc dây xi măng tương thích với vít đa trục bơm xi măng loại rỗng nòng, có kích thước dài 50/100/200mm với chiều dài mũi kim 1.55mm hoặc 2.7mm. Có đóng tiết trùng</p>
L176	Vít đa trục bơm xi măng loại rỗng nòng các size kèm ốc khóa trong, chất liệu titanium	100	Cái	<p>Vít đa trục bơm xi măng loại rỗng nòng các size, chất liệu titanium, vít có lỗ trên thân để bơm xi măng, đường kính 3.5/4.0/4.5/5.0/5.5/6.0/6.5/7.0/7.5mm, tương thích với nẹp dọc đường kính 5.5mm hoặc 6.0mm và vít ốc khóa trong đường kính 9,2mm. góc mở vít đa trục 50 độ. Góc vát của mũi vít 40 độ. kích thước mũi vít 16.7mmx 14mm. Vít ốc khóa trong ren vát 30 độ, chiều cao 4.5mm, khoảng cách bước ren 1.5mm</p>
L177	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng	50	Cái	<p>Chất liệu PEEK, 80 sizes khác nhau, các kiểu uốn 0 độ hoặc 4 độ, chiều dài 20mm hoặc 25mm, chiều rộng 11mm, chiều cao từ 9mm-18mm (mỗi cỡ tăng 1mm)</p>
L178	Nẹp dọc cột sống dài 400mm, đk	20	Cái	Nẹp dọc cột sống chất liệu Ti6Al4V ELI, gồm các loại 2 đầu lục giác hoặc 2 đầu vát, dài 400mm, đường kính 5.5mm, tiêu chuẩn
L179	Nẹp dọc dùng cho vít bơm xi măng các size	15	Cái	Chất liệu titanium, đk 6.0mm , tương thích với vít bơm xi măng loại rỗng nòng. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
L180	Nẹp dọc uốn sẵn dùng cho vít qua da	30	Cái	<p>Vật liệu titanium</p> <p>- Nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5.5mm, độ dài từ 30mm-200mm. 1 đầu nhọn. Nẹp dọc tương thích với dụng cụ luồn nẹp dọc tại chân vít.</p>

L181	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, phải trái, các cỡ, Titan	30	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày khoảng 6.5mm, độ rộng khoảng 16.5mm - Số lỗ từ 5/7/9/11/13 lỗ tương ứng với độ dài khoảng là 156/196/236/276/316 mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L182	Nẹp khóa bản hẹp dùng vít 4.5/5.0 mm chất liệu titanium các cỡ	30	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày nẹp khoảng 4.5mm, độ rộng khoảng 13.5mm; - Số lỗ 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ tương ứng độ dài khoảng 70/88/106/124/142/160/178/196/214/250/286mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít khoảng 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng 22mm đến 70mm) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L183	Nẹp khóa bản nhỏ dùng vít 3.5 mm chất liệu titanium các cỡ	20	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nẹp titanium hoặc tương đương - Độ dày nẹp khoảng 3.3mm, độ rộng khoảng 11mm - Số lỗ 5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ tương ứng độ dài khoảng 72mm/85/98/111/124/137/150/163mm - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (khoảng 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (khoảng 14mm đến 50mm.) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L184	Nẹp khóa bản rộng 4.5/5.0 mm chất liệu titanium các cỡ	20	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày nẹp khoảng 5.6mm, độ rộng khoảng 17.5mm; - Số lỗ 5/6/7/8/9/10/11/12/14/16/18/20/22 lỗ tương ứng độ dài khoảng 88/106/124/142/160/178/196/214/250/286/322/358/394mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm)
L185	Nẹp khóa chữ T dùng vít 3.5 mm chất liệu titanium các cỡ	20	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày khoảng 2mm, độ rộng khoảng 10mm - Số lỗ 3/4/5/6/7 lỗ tương ứng độ dài khoảng 50/59/67/76/85mm - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (khoảng 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (khoảng 14mm đến 50mm.) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L186	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt lưng có móc đỡ, chất liệu titanium các cỡ	20	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày khoảng 3.8mm, độ rộng khoảng 11mm - Số lỗ từ 3/5/7/9/11/14 lỗ tương ứng độ dài khoảng 65/91/117/143/169/208mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Đầu nẹp dùng vít khóa 2.7mm tự taro, thân nẹp dùng vít khóa 3.5mm tự taro (khoảng 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (khoảng 14mm đến 50mm.) - Có trợ cụ tương thích - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L187	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, mặt trong, ngoài, các cỡ, Titan	30	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày khoảng 3.7mm, độ rộng khoảng 11.4mm - Số lỗ 4/6/8/10/12 lỗ tương ứng với độ dài là 117/144/171/198/225 mm - Dùng vít khóa 2.7mm tự taro (khoảng 6mm đến 40mm), vít khóa 3.5mm tự taro (khoảng 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (khoảng 14mm đến 50mm.) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương

L188	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay chất liệu titanium các cỡ	30	Cái	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày khoảng 3.2mm, độ rộng khoảng 13mm - Số lỗ 5/6/8/10/12 lỗ tương ứng độ dài khoảng 142/160/196/232/268 mm - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (14mm đến 50mm.) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L189	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt bên chất liệu titanium các cỡ	20	Cái	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày khoảng 4.5mm, độ rộng khoảng 11.2mm - Số lỗ 5/7/9/11/13 tương ứng độ dài khoảng 140/180/220/260/300mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L190	Nẹp khóa đầu trên xương đùi mặt bên chất liệu titanium các cỡ	30	Cái	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày nẹp khoảng 5.6mm, độ rộng khoảng 18.5mm - Số lỗ 5/7/9/11/13 tương ứng độ dài khoảng 156/196/236/276/310mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 14mm đến 90mm.) và vít xương cứng 4.5mm tự taro (chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L191	Nẹp khóa mắt xích dùng vít 3.5 mm chất liệu titanium các cỡ	20	Cái	- Chất liệu nẹp titanium hoặc tương đương - Độ dày nẹp khoảng 2.5mm; độ rộng khoảng 10.5mm - Số lỗ 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/15/16 lỗ tương ứng độ dài khoảng 34/46/58/70/82/94/106/118/130/142/154/166/178/190mm - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (14mm đến 50mm) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L192	Nẹp khóa xương đòn mặt trước; chất liệu titanium các cỡ	50	Cái	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Dày khoảng 3.4mm, rộng khoảng 10mm - Số lỗ 6/7/8 lỗ tương ứng độ dài khoảng 94/110/120 mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (khoảng 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (khoảng 14mm đến 50mm.) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L193	Vít cột sống đa trục kèm ốc khóa trong các size	120	Cái	Vít cột sống lưng chất liệu hợp kim Ti6Al4V ELI, mũ vít dạng low-profile, đường kính từ 4.5mm đến 7.0mm (mỗi cỡ tăng 0.5mm), kích thước mũ vít (đk 13.5mm x chiều cao 15.1mm), góc mở của vít đa trục 52 độ, mũ vít tự taro, chiều dài từ 20mm đến 90mm. Vít ốc khóa trong có bước ren dạng liên kết (buttress thread) và phần giữa đặc lòng giúp tăng bề mặt tiếp xúc với nẹp dọc. Kích thước 9.5x 1.25, tiêu chuẩn FDA
L194	Vít cột sống đa trục ren đôi kèm ốc khóa trong các size	120	Cái	Vít cột sống đa trục ren đôi (double thread) có 3 vùng ren, chất liệu hợp kim Ti6Al4V ELI, mũ vít dạng low-profile, đường kính từ 4.5mm đến 7.0mm (mỗi cỡ tăng 0.5mm), góc mở của vít đa trục 40 độ, mũ vít tự taro, chiều dài từ 20mm đến 90mm. Mũ vít dạng thấp (low profile) với chiều cao 15.1mm và đường kính 13.5mm. Vít ốc khóa trong chất liệu Ti6Al4V ELI có bước ren dạng liên kết (buttress thread) và phần giữa đặc lòng giúp tăng bề mặt tiếp xúc với nẹp dọc. Kích thước 9.5x 1.25, tiêu chuẩn FDA
L195	Vít đa trục rỗng nòng bắt qua da kèm ốc khóa trong	100	Cái	Vít đa trục rỗng nòng dùng trong phẫu thuật qua da có lỗ bơm xi măng, loại 2 bước ren riêng biệt (dual lead) (chất liệu hợp kim Ti6Al4V ELI, mũ vít dạng low-profile, đường kính vít từ 4.5mm đến 7.0mm (mỗi cỡ tăng 0.5mm), góc mở của vít đa trục 40.26 độ. Mũ vít có 3 rãnh tự taro, chiều dài vít từ 20mm đến 90mm. Kích thước mũ vít 15x12x11mm. Tương thích với nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5.5mm.
L196	Vít khóa cho đỉnh nội tủy, chất đường kính 3.9 mm, chất liệu titanium	80	Cái	Vít chốt cho đỉnh nội tủy đa hướng, đường kính 3.9mm, chất liệu titanium, độ dài 20-60mm, bước tăng 2mm. Hoặc tương đương.
L197	Vít khóa cho đỉnh nội tủy, đường kính 5.0 mm, chất liệu titanium	40	Cái	Vít chốt cho đỉnh nội tủy đa hướng, đường kính 5.0mm, chất liệu titanium, độ dài 30-64mm, bước tăng 2mm. Hoặc tương đương.

L198	Vít chốt khóa cho đỉnh nội tủy, đường kính 6.5mm, chất liệu titanium	80	Cái	Vít chốt cho đỉnh nội tủy đa hướng, đường kính 6.5mm, chất liệu titanium, độ dài 50-110mm, bước tăng 5mm. Hoặc tương đương.
L199	Vít khóa xương cứng 2.7 mm, tự taro chất liệu titanium các cỡ	200	Cái	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính 2.7mm, chiều dài từ 6mm đến 40mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 3.5mm, chiều cao mũ vít 2.2mm
L200	Vít khóa xương cứng 3.5mm, tự taro chất liệu titanium các cỡ	200	Cái	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, tự taro, đường kính thân vít 3.5mm, chiều dài vít từ 10mm đến 80mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít 4.8mm, chiều cao mũ vít 3.1mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L201	Vít khóa xương cứng 5.0mm, tự taro chất liệu titanium các cỡ	200	Cái	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít khoảng 5.0mm, chiều dài vít khoảng 14mm đến 90mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít khoảng 6.5mm, chiều cao mũ vít khoảng 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L202	Vít khóa xương xóp 3.5mm các cỡ, chất liệu titanium	200	Cái	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 3.5mm, chiều dài vít 14mm đến 60mm, mũ vít có ren, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đồng bộ với nẹp sử dụng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L203	Vít khoá xương xóp 5.0mm, các cỡ, titan	200	Cái	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít khoảng 5.0mm, chiều dài vít khoảng từ 25mm đến 110mm, mũ vít có ren, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đồng bộ với nẹp sử dụng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L204	Vít xương cứng đường kính 4.5 mm, tự taro chất liệu titanium các cỡ	200	Cái	- Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít khoảng 4.5mm; chiều dài vít khoảng từ 22mm đến 70mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác - Đường kính mũ vít khoảng 8.0mm, chiều cao mũ vít khoảng 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
L205	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco kiểu 1	300	Hộp	- Hàm lượng: 1,4% Sodium Hyaluronate. - Dung tích: 1ml/1xilan. - Độ nhớt: trung bình 30.000 mPas - Độ pH: 6,8-7,4 - Trọng lượng phân tử: 1.1-2.0 triệu Daltons. - Độ thẩm thấu~ 270-400 mOSm/kg - Thành phần cho 1ml: + Sodium Hyaluronate ≥ 14mg + Sodium Chloride ≥ 8,5mg + Disodium Hydrogenphosphate ≥ 0,563mg + Sodium Dihydrogenphosphate ≥ 0,045mg + Nước cất vừa đủ. - Hãng hóa đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016; CE; hoặc tương đương

L206	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco kiểu 2	300	Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng: 2.0% Hydroxypropyl methylcellulose (HPMC) - Dung tích: 2ml/1xilan - Độ nhớt: trung bình 4.000-5.000 mPas - Độ pH: 6,8-7,5 - Độ thẩm thấu: 270-400 mOSm/kg - Trọng lượng phân tử: 80.000 Daltons. - Thành phần cho 1ml <ul style="list-style-type: none"> + Hydroxypropyl methylcellulose \geq 20mg + Sodium Chloride \geq 6,4 mg + Potassium Chloride \geq 0,750 mg + Calcium Chloride 2H₂O \geq 0,48 mg + Magnesium Chloride 6H₂O \geq 0,3 mg + Sodium acetate 3H₂O \geq 3,9 mg + Sodium citrate 2H₂O \geq 1,7 mg. + Nước cất vừa đủ. - Hãng hóa đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016; CE; hoặc tương đương
L207	Dao mổ 15 độ	300	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi dao làm bằng thép không rỉ, không gây chói. Tay cầm nhựa - Tạo độ mở rộng góc 15°, mũi dao nhọn. Có nắp an toàn bảo vệ. - Hãng hoá đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016, CE, CFG hoặc tương đương
L208	Dao mổ 2.85mm	300	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi dao làm bằng thép không rỉ, không gây chói. Tay cầm nhựa - Kích thước 2.85mm. Có nắp an toàn bảo vệ. - Hãng hoá đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016, CE, CFG hoặc tương đương
L209	Miếng dán mi các cỡ	500	Cái	<ul style="list-style-type: none"> * Giấy lót phủ Silicon: 15 - 65%. * Film Polyurethane: 2 - 15%. * Keo Acrylate : 3 - 30% * Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương
L210	Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo) kiểu 1	200	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu chất liệu Hydrophobic acrylic không có hiện tượng Glistening. - Thủy tinh thể lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím - Thủy tinh thể có thiết kế phi cầu hai mặt lồi. - Thiết kế 4 càng. - Tổng chiều dài kính: từ 0D đến 24,5D: 11,00mm; từ 25D đến 30D: 10,75mm - Đường kính Optic: từ 0D đến 24,5D: 6,00mm; từ 25D đến 30D: 5,75mm. - Chỉ số khúc xạ: 1,53 - Chỉ số pACD: 5,85 (Đo bằng giao thoa quang học và tính theo công thức Hoffer Q) - Chỉ số Abbe: 42 - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge - Công suất: từ 0D đến 9D bước nhảy 1D; 10D đến 30D bước nhảy 0,5D. - Hãng số A tính theo công thức SRK/T: 119,40 (đo bằng giao thoa quang học) - Hãng hóa đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO9001:2015; ISO13485:2016 ; CE; hoặc tương đương

L211	Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo) kiểu 2	50	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh thể sử dụng công nghệ kéo dài tiêu cự Polynomial trên bề mặt. - Chất liệu hydrophobic acrylic không có hiện tượng Glistening. - Tổng chiều dài kính: từ 10D đến 24,5D: 11,00mm; từ 25D đến 30D: 10,75mm - Đường kính Optic: từ 10D đến 24,5D: 6,00mm; từ 25D đến 30D: 5,75mm. - Thiết kế 4 càng. - Thủy tinh thể lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím. - Chỉ số khúc xạ: 1,53. - Chỉ số Abbe: 42 - TTT được lắp sẵn trong cartridge - Công suất: từ 10D đến 30D bước nhảy 0.5D. - Chỉ số pACD: 5,85 (Đo bằng giao thoa quang học và tính theo công thức Hoffer Q) - Hằng số A tính theo công thức SRK/T: 119,40 (đo bằng giao thoa quang học). - Hàng hóa đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO9001:2015; ISO13485:2016 ; CE; hoặc tương đương
L212	Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo) kiểu 3	10	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh thể nhân tạo ba tiêu cự, theo nguyên lý nhiều xạ. - Chất liệu hydrophobic acrylic không có hiện tượng Glistening. - Thiết kế phi cầu hai mặt lồi. - Thiết kế càng 4 điểm tựa kiểu C kép, công nghệ càng chống dính Rigde Tech độc quyền. - Thủy tinh thể lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím. - Chiều dài thủy tinh thể: 11,40mm. - Đường kính quang học: 6,0mm. - Chỉ số khúc xạ: 1,53 - Chỉ số pACD: 5,85 (Đo bằng giao thoa quang học và tính theo công thức Hoffer Q) - Chỉ số Abbe: 42 - Dải công suất: từ +10D đến +35D bước nhảy 0,5D. - Công suất bổ sung +3.5D và +1.75D - Sử dụng hệ thống đặt kính Mediceal Accuject 2.0/2.1/2.2. - Hằng số A tính theo công thức SRK/T: 119.40 (đo bằng giao thoa quang học) - Hàng hoá đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO9001:2015; ISO13485:2016 ; CE; hoặc tương đương.
L213	Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo) kiểu 4	100	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh thể nhân tạo 1 mảnh, càng chữ C. Chất liệu Hydrophilic Acrylic copolymer 26% nước. - Lọc UV và lọc ánh sáng xanh - Thiết kế hai mặt lồi - Thiết kế bờ vuông 360°. - Chiều dài TTT: 12,5 mm. Đường kính optic: 6,0 mm. - Độ dày trung tâm TTT : 0,98mm (+20D). - Góc càng 0°. A-constant: 118,0. ACD: 4,96 mm. Chỉ số khúc xạ: 1,46 - Cầu sai: 0 (trung tính) - Chỉ số ABBE: 58 - Tiết trùng bằng hơi nước - Dải công suất từ 0D đến +30D với mức tăng 0,5D (dải diop -7D đến -1D được sản xuất theo yêu cầu) - Được cung cấp cùng súng và cartridge dùng 1 lần đồng bộ với vết mổ 2,2 / 2,5mm. - Hàng hóa đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; CE; hoặc tương đương

L214	Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) các loại, các cỡ (cứng, mềm, treo) kiểu 5	10	Cái	<p>Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự, mềm, 1 mảnh, nguyên khối cùng chất liệu Acrylic ngâm nước 26%. Màu vàng lọc ánh sáng xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế phi cầu mặt trước. Càng chữ C. Góc càng 0°. - Vòng ngăn tế bào đục bao sau gồm cạnh vuông 360 ° và gờ vuông mặt sau optic. Lọc tia UV. - Đường kính optic 6mm, chiều dài kính 12.5mm. - Hằng số A(optical)=118.4, A(acustical)=118.1. Độ sâu tiền phòng PACD : 5.50 - Chỉ số khúc xạ n= 1.46 - Thiết kế kính theo công nghệ nhiễu xạ và khúc xạ. Công suất cộng thêm 3.5D cho thị lực nhìn gần. - Dây diop từ +10 D đến +30 D. - Kính được kèm theo cartridge và injector
L215	'Chi phẫu thuật tự tiêu loại Vicryl (Polyglactin) 5/0 dùng trong phẫu thuật nhãn khoa	48	Sợi	<p>Chi khâu tự tiêu Polyglycolic Acid 5-0, chiều dài chỉ 45cm. Hai kim cong 2 đầu, tiết diện hình lục giác, đường kính kim 0.33 mm, chiều dài kim 8.5 mm, độ kim cong 1/4.</p> <p>Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge).</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA</p>
L216	'Chi phẫu thuật tự tiêu loại Vicryl (Polyglactin) 6/0 dùng trong phẫu thuật nhãn khoa	48	Sợi	<p>Chi khâu tự tiêu Polyglycolic Acid 6-0, chiều dài chỉ 45cm. Hai kim cong 2 đầu, tiết diện lục giác, đường kính kim 0.28 mm, chiều dài kim 8.5 mm, độ kim cong 1/4.</p> <p>Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge).</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA</p>
L217	Chi Nylon (DAFILON) số 6/0 dùng trong phẫu thuật nhãn khoa	48	Sợi	<p>Chi khâu mắt sợi đơn Nylon 6-0 màu đen, dài 50cm. Hai kim tiết diện hình thang nhọn cắt chiều dài 11mm, độ cong 3/8. Đường kính kim 0.33</p> <p>Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge).</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương</p>
L218	Chi Nylon (DAFILON) số 7/0 dùng trong phẫu thuật nhãn khoa	48	Sợi	<p>Chi khâu mắt sợi đơn Nylon 7-0 màu đen, dài 30cm. Hai kim tiết diện hình thang chiều dài 8 mm, đường kính 0,33mm, độ cong 3/8.</p> <p>Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge).</p>
L219	Chi Nylon (DAFILON) số 10/0 dùng trong phẫu thuật nhãn khoa	30	Sợi	<ul style="list-style-type: none"> - Chi khâu mắt sợi đơn Nylon 10-0 màu đen, dài 30 cm. Hai kim cong hai đầu, tiết diện hình thang chiều dài 6 mm, đường kính 0.14mm, độ cong 3/8. - Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge). - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA hoặc tương đương
L220	Thuốc nhuộm bao dùng trong phẫu thuật nhãn khoa	5	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> - Thuốc nhuộm bao dùng trong phẫu thuật nhãn khoa nồng độ 0,06% - Thành phần: Trypan Blue 0,6 mg/ml - Đóng gói vô trùng. Dung tích: 1ml - Hàng hoá đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016, CE, CFS hoặc tương đương

Tổng cộng: 220 khoản

**PHỤ LỤC II : BẢNG MÔ TẢ VẬT TƯ TIÊU HAO THEO BỘ
GÓI 6 MUA SẴM HOÁ CHẤT THÔNG THƯỜNG, VẬT TƯ TIÊU HAO NĂM 2023**

Kèm theo thư mời số: /TM-VYHPKKQ

STT	Mã thầu	Tên hàng hóa	Số lượng dự kiến	Tên thành phần	Số lượng thành phần	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương
1	1	2	3	4	5	6	7
1	B1	Bộ bơm xi măng cột sống 2 bóng	10			Bộ	Bao gồm:
				<i>Bóng nong thân đốt sống</i>	02 Cái	<i>Cái</i>	- 02 Bóng nong thân đốt sống các size tùy chọn từ 10mm/15mm/20mm, dài 20cm, có 2 van riêng biệt, dùng tương thích với cả hai loại bơm áp lực dạng cơ và dạng kỹ thuật số. Áp suất tối đa của bóng chịu được là 400psi - 27bar. Thể tích tối đa khi bơm phòng 1.8ml/2.7ml/5.5ml, đường kính tối đa lần lượt là: 14.5mm/14.8mm/15.6mm, chiều dài tối đa lần lượt là 11.2mm/15.2mm/21.4mm.
				<i>Bơm áp lực cao</i>	01 Cái	<i>Cái</i>	Khả năng tạo khoang trong thân đốt sống với 3 cỡ bóng lần lượt là 15/20/25mm.
				<i>Xi măng</i>	01 Gói	<i>Gói</i>	- 01 gói Xi măng sinh học có độ nhớt thấp (low viscosity), khối lượng xi măng 20g (13,84g Polymethylmethacrylate, 6g Bariumsulfat, 0.16g Benzoyl peroxid) kèm 10ml dung dịch pha (
				<i>Kim chọc vào thân đốt sống</i>	02 Cái	<i>Cái</i>	9,96ml Methyl methacrylate, 0.04 ml N,N-dimethyl-p-toluidine, 20ppm Hydroquinone).
				<i>Kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống</i>	06 Cái	<i>Cái</i>	- 02 Xi lanh bơm phòng bóng có tay cầm dạng chữ T, thể tích xi lanh 25ml, có đồng hồ hiển thị áp lực bơm bóng dạng kỹ thuật số digital kèm van 3 cửa
				<i>Kim chọc dò tạo đường hầm trong thân đốt sống</i>	02 Cái	<i>Cái</i>	- 02 kim chọc dẫn đường vào thân đốt sống 11G (3,50mm) dài 15cm
				<i>Bơm áp lực đẩy xi măng</i>	01 Cái	<i>Cái</i>	- 06 kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống đường kính 2,9mm, chiều dài 20cm , dung tích 1,5ml - 01 kim sinh thiết 14G dài 22cm - 02 kim chọc tạo đường hầm vào thân đốt sống, chiều dài 20cm
2	B2	Bộ bơm xi măng loại thường dùng súng áp lực cao	10			Bộ	-Bộ bơm xi măng có bóng loại 1 thì (direct access) , sử dụng kim chọc cho bóng nong loại mũi vát không cần dùng kim nhỏ và gai dẫn đường. - 01 Bơm áp lực đẩy xi măng dạng kín (close mixing system) , có van kết nối dạng Lure Lock, trên thân bộ trộn có vạch đo dung tích xi măng, bộ trộn vừa có chức năng trộn vừa có chức năng bơm xi măng. Chất liệu khoang chứa xi măng PP (Polypropylene), phần thân trong chất liệu Polycarbonate (PC), phần thân ngoài chất liệu Ethylene- Vinyl Acetate (EVA), phần trụ xoay chất liệu thép 304, bộ trộn đi kèm 01 phễu đổ xi măng và 01 đầu lọc (filter) đóng tiết trùng.
				<i>Bơm áp lực cao</i>	01 Cái	<i>Cái</i>	Bộ bơm xi măng cột sống gồm có: 01 bơm áp lực cao dạng súng và tháo lắp nhanh, dung tích 15ml. ống bơm xi măng có đầu kết nối bằng thép không gỉ, Bộ trộn xi măng loại kín, dung tích 40ml có thìa và phễu đổ xi măng và 4 xi lanh loại 5ml
				<i>Kim chọc dò</i>	02 Cái	<i>Cái</i>	02 kim chọc dò cán nhựa chữ T, đường kính các loại 11G/13G chiều 15cm. Trên thân kim có vạch đo độ sâu tương ứng. Kim gồm 2 loại đầu vát (bevel) và đầu trocar
				<i>Xi măng sinh học</i>	01 Gói	<i>Gói</i>	01 gói Xi măng sinh học có độ nhớt thấp (low viscosity), khối lượng xi măng 20g (13.84g
						Bộ	
				<i>Vít treo mảng ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài</i>	02 Cái	<i>Cái</i>	Vít khóa chất liệu titanium, chiều dài 12mm, chiều rộng 3,5mm. Dây treo có thể điều chỉnh chiều dài. Chỉ treo được làm từ chất liệu Polyethylene trọng lượng phân tử cao (UHMWPE), đường kính khoảng 0,700 - 0,799mm, lực căng 1.400N

3	B3	Bộ nội soi tái tạo dây chằng chéo bao gồm:	30	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio góc nghiêng 3 loại 45 độ, 90 độ, 180	01 Cái	Cái	2 Lưỡi cắt đốt đơn cực bằng sóng cao tần loại dùng một lần, với vòng ceramic, đầu đốt được phủ thép không gỉ, kích thước đường kính 3mm, chiều dài 165mm, góc nghiêng gồm tối thiểu 3 loại 45 độ, 90 độ, 180 độ, tay cầm có nút bấm để điều khiển.
				Lưỡi bào khớp phù hợp với tay bào lưỡi khóa tự động	01 Cái	Cái	Lưỡi bào khớp đóng gói tiệt trùng, dùng một lần, đường kính 4,2 mm phù hợp với các tay bào có lưỡi khóa tự động, tốc độ xoay từ 300 đến 5.000 vòng/ phút
				Dây nước chạy máy trong nội soi	01 Cái	Cái	Dây dẫn nước nội soi chạy bằng máy dùng một lần
				Vít treo màng treo gân	01 Cái	Cái	- Chất liệu vít titanium.- Chất liệu chỉ treo Polyester- Kích thước 15 đến 40mm, mỗi kích thước tăng 5mm- Lực căng 1400N- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
				Chi khâu gân mũi kim cong 26mm	02 Cái	Sợi	Chi siêu bền dài 90cm, mũi kim cong dài 26mm
4	B4	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng, vitamin E bảo tồn xương tối đa	5			Bộ	Bảng Cobalt Chrome(CoCr) cứng và nhẵn, độ dày cạnh 9mm, mặt trước nghiêng 5°, độ gập gối tối đa 155°, xoay trong-xoay ngoài 12.5°, rãnh bánh chè thiết kế phù hợp với khớp gối tự nhiên. Lòai cầu CR giúp không cần đục hộp tại rãnh liên lòai cầu. Có 13 cỡ mỗi bên trái, phải, bước nhảy 2mm, tương thích tối đa với kích thước xương bệnh nhân châu Á. Độ rộng trong ngoài từ 56mm-80mm và độ rộng trước sau từ 52mm-76mm.
				1. Lòai cầu đùi:	01 Cái	Cái	Bảng Polyethylene Crosslink cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E (E-XPE) tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lòai lót XUC gờ khóa ngàm với rãnh trượt giúp chống bụi ma sát (Micromotion). Lòai lót có độ dốc sau 5° và cạnh trước cao 12.5mm tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lòai lót có độ dốc sau 5° và cạnh trước cao 12.5mm tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lòai lót có độ dốc sau 5° và cạnh trước cao 12.5mm tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa.
				2. Lòai lót:	01 Cái	Cái	
				3. Mâm	01 Cái	Cái	
				4. Bánh chè:	01 Cái	Cái	
5. Xi măng :	01 Gói	Gói					
5	B5	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ titanium plasma, chống trượt kiểu 1	10			Bộ	1. Cuồng chòm xương đùi không xi phủ titanium plasma (TPS): - Vật liệu: Titanium Alloy phủ titanium plasma (TPS) giúp khả năng liên kết với xương, các cỡ 0/1/2/3/4/5/6/7/8 chiều dài các loại tương ứng 105/129/134/139/144//149/154/159/164mm, kích thước offset cổ khớp các cỡ 37/38/39/43/44/48/49/53/54mm, chiều dài cổ khớp các cỡ 30/35/37/40mm, độ rộng phần đầu xa đuôi chuỗi 4/5/6/8/10/12/14/16/18mm. Góc cổ chuỗi 127 độ, có rãnh chống trượt. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA hoặc tương đương
				Chuỗi khớp (cuồng chòm xương đùi) phủ TPS	01 Cái	Cái	2. Ổ cối toàn phần phủ titanium plasma (TPS): - Vật liệu: Titanium Alloy phủ titanium plasma (TPS) giúp khả năng liên kết với xương, thiết kế rãnh chống trượt, các cỡ 44/46/48/50/52/54/56/58/60/62mm, đường kính trong 38/42/46/52mm, đường kính ngoài 46/48/50/52/54/56/58/60/62/64mm.- Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA hoặc tương đương
				Ổ cối toàn phần phủ TPS	01 Cái	Cái	3. Chòm xương đùi CoCr: - Chòm xương đùi CoCr, gồm các cỡ: đường kính 28mm với chiều dài Offset -3.5mm/0/+3.5mm, đường kính 32mm với chiều dài offset -4mm/0mm/+4mm/+7mm, đường kính 36mm với chiều dài Offset -4mm/0mm/+4mm/+7mm Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA hoặc tương đương
				Chòm xương đùi CoCr	01 Cái	Cái	
				Lót ổ cối	01 Cái	Cái	
				Vít ổ cối	03 Cái	Cái	
						Bộ	1. Cuồng chòm xương đùi không xi phủ titanium plasma (TPS)

6	B6	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi phủ titanium plasma, chống trượt kiểu 2	2	Chuôi khớp (cuống chỏm xương đùi) phủ TPS	01 Cái	Cái	<p>- Vật liệu: Titanium Alloy phủ titanium plasma (TPS) giúp khả năng liền kết với xương, các cỡ 0/1/2/3/4/5/6/7/8 chiều dài các loại tương ứng 105/129/134/139/144//149/154/159/164mm, kích thước offset cổ khớp các cỡ 37/38/39/43/44/48/49/53/54mm, chiều dài cổ khớp các cỡ 30/35/37/40mm, độ rộng phần đầu xa đuôi chuỗi 4/5/6/8/10/12/14/16/18mm. Góc cổ chuỗi 127 độ, co rãnh chống trượt. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA</p> <p>2. Chỏm xương đùi CoCr</p> <p>- Chỏm xương đùi CoCr, gồm các size đường kính 22mm với chiều dài Offset 0/+3.5mm, đường kính 28mm với chiều dài Offset -3.5mm/0/+3.5mm- Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA</p> <p>3. Cup Bipolar:</p> <p>- Cup bipolar lắp sẵn gồm có cup titanium và liner chất liệu PE, gồm các size 38/22, 40/22, 42/22, 44/28, 46/28, 48/28, 50/28, 52/28, 54/28, 56/28, 58/28mm. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA</p>
				Chỏm xương đùi CoCr	01 Cái	Cái	
				Ổ cối lưỡng cực có khóa lăm (Cup Bipolar)	01 Cái	Cái	
7	B7	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - chuỗi không xi măng, góc cổ chuỗi	10			Bộ	<p>1. Chỏm bán phần : có mặt ngoài bằng Cobalt Chrome. Đường kính ngoài từ 38mm đến 50mm, đường kính trong 22.2mm hoặc 28mm.</p> <p>2. Chỏm xương đùi: bằng chất liệu Cobalt Chrome; kích thước 22.2mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>3. Chuôi xương đùi : chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám.</p> <p>- Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm</p> <p>- Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 15 cỡ dài từ 00 - 14 dài từ 114mm - 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ 0 - 14 dài từ 120 - 161 mm)</p>
				Chỏm bán phần	01 Cái	Cái	
				Chỏm xương đùi	01 Cái	Cái	
				Chuôi xương đùi	01 Cái	Cái	
8	B8	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - chuỗi dài không xi măng, góc cổ chuỗi khoảng 130	10			Bộ	<p>1. Chỏm bán phần : có mặt ngoài bằng Cobalt Chrome. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính trong 22.2mm hoặc 28mm.</p> <p>2. Chỏm xương đùi: bằng chất liệu Cobalt Chrome; kích thước 22.2mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>3. Chuôi dài không xi măng: bằng vật liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) phun Titanium Plasma nhám toàn thân, góc cổ thân 130°, taper 12/14. Chuôi có 2 dạng: dạng thẳng có chiều dài 180mm với 7 cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm-18mm) và dạng cong có chiều dài 230mm, có 7 cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm-18mm) với mỗi bên trái, phải.</p>
				Chỏm bán phần	01 Cái	Cái	
				Chỏm xương đùi	01 Cái	Cái	
				Chuôi dài không xi măng	01 Cái	Cái	
9	B9	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ chuỗi khoảng 130 độ, Ceramic on PE cổ	10			Bộ	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA. Ổ cối có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm.</p> <p>2. Vít ổ cối : bằng Titanium dài 15-50mm. (2 cái)</p> <p>3. Lốp lót:bằng Polyethylene Crosslink siêu bền có bổ sung vitamin E. Lốp lót có 2 dạng (0° và 20°) Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.</p> <p>4. Chỏm xương đùi Ceramic : có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ: 28mm (-2.5mm, +1mm, +4mm), 32mm (-3mm, +1mm,+5mm; +8mm) và chỏm lớn 36mm (-3mm, +1mm, +5mm; +9mm).</p> <p>5. Chuôi xương đùi : chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám.</p> <p>- Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm</p>
				Ổ cối không xi	01 Cái	Cái	
				Vít ổ cối	02 Cái	Cái	
				Lốp lót	01 Cái	Cái	
				Chỏm xương đùi	01 Cái	Cái	
				Chuôi xương đùi	01 Cái	Cái	
10	B10	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng, mâm chày thiết kế trái phải loại 2 trong 1: cổ định hoặc	2			Bộ	<p>1. Lò cầu xương đùi có xi măng, chất liệu Co28Cr6Mo, thiết kế phải trái riêng biệt theo giải phẫu, khả năng gấp duỗi trong biên độ 155° - 5°, các cỡ 1, 2, 3, 4, 5, 6 tương đương bề rộng lần lượt là 55,6/58,5/61,5/65,5/70,8/77,2mm, chiều dài lần lượt là 50/52,6/55,4/59,4/64,2/70,2mm, chiều cao lần lượt là 45,6/48/50,4/53,6/57,9/63mm.</p> <p>2. Mâm chày có xi măng, chất liệu Co28Cr6Mo, thiết kế bắt đối xứng, phải trái riêng biệt theo giải phẫu. Các cỡ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 tương đương với chiều rộng lần lượt là 60/63,2/66,5/70/74,2/78,7/83,4/88,4mm. Mâm chày ngoài lần lượt là 36,9/38,8/41,1/43,3/45,9/48,6/51,6/54,7mm, mâm chày trong lần lượt là</p>
				Lồi cầu xương đùi có xi măng	01 Cái	Cái	
				Mâm chày có xi măng	01 Cái	Cái	
				Lốp đệm mâm chày	01 Cái	Cái	

		linh động		Vít bịt mâm chày (theo bộ)	01 Cái	Cái	40,9/43/45,3/47,7/50,5/53,5/56,8/60,2mm. Thiết kế đặc biệt 2 trong 1, thiết kế phải, trái theo giải phẫu, công nghệ đánh bóng (highly polished) tránh mài mòn tối ưu, tùy chọn lớp đệm mâm chày linh động hoặc cố định.
				Xi măng kháng sinh	01 Cái	Cái	3. Lớp đệm mâm chày cố định hoặc linh động, vật liệu nhựa cao phân tử UHMWPE, các cỡ 1, 2, 3, 4, 5, 6. Có 6 độ dày khác nhau: 7mm, 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 17mm
11	B11	Bộ khớp háng toàn phần không xi chuỗi dài Ceramic on Ceramic	6				1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA. Ổ cối có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. 2. Vít ổ cối: bằng Titanium dài 15-50mm. (2 cái) 3. Lớp lót:bằng Ceramic Biolox Delta.Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm, 40mm 4. Chòm xương đùi Ceramic: có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ: 28mm (-2.5mm, +1mm, +4mm), 32mm (-3mm, +1mm,+5mm; +8mm) và chòm lớn 36mm (-3mm, +1mm, +5mm; +9mm). 5. Chuôi xương đùi: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. - Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm - Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 15 cỡ từ 00 - 14 dài từ 114mm -161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ 0-14 dài từ 120-161 mm).
12	B12	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng góc cổ chuỗi CCD 133/138 độ, CoCrMo on UHMWPE, chòm 28/32mm, góc cổ chuỗi	2			Bộ	1. Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4 phủ cpTi đầu gần, góc cổ chuỗi CCD 133, 138 độ, cổ chuỗi cỡ 12/14, cỡ chuỗi 6,25/7,5/8,75/10/11,25/12,5/13,75/15/17,5/20mm tương ứng chiều dài lần lượt là 132,1/134,6/137,1/139,6/142,1/144,6/147,1/149,6/154,6/159,6mm; Có các cỡ offset: 34.5/35.2/ 35.8/ 36.5/ 37.1/ 37.7/ 38.3/ 39/ 40.2/ 41.5mm; Độ dày lớp phủ 250 µm ± 50 µm, độ xốp 30 ± 10%. 2. Chòm: Chất liệu CoCrMo, đường kính 28/32mm, cổ đầu 12/14, offset từ -4, -3.5, 0, +3.5, +4, +7, +8mm. 3. Lớp đệm: chất liệu polyethylene cao phân tử UHMWPE, đường kính trong 28/32mm, đường kính ngoài 39/44/48/52mm. Thiết kế kiểu 0 độ hoặc nghiêng 10 độ chống trật. 4. Ổ cối không xi măng, chất liệu TiAl6V4 phủ cpTi. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/58/60/62/64/66/68mm, có 3 lỗ bắt vít ổ cối.
13	B13	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, CoCrMo on UHMWPE crosslink siêu liên kết, chuỗi phủ HA, góc cổ chuỗi CCD 133/135/138 độ	2			Bộ	1.Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4, công nghệ phủ HA đầu gần hoặc toàn phần giúp kích thích sinh xương, góc cổ chuỗi CCD 133, 135, 138 độ, cổ chuỗi 12/14, cỡ chuỗi gồm: - Cỡ 6.25/7.5/8.75/10/11.25/12.5/13.75/15/17.5/20mm tương ứng chiều dài lần lượt là 132.1/134.6/137.1/139.6/142.1/144.6/147.1/149.6/154.6 /159,6mm; Có các cỡ offset từ 34.5mm đến 43.6mm; Độ dày lớp phủ 250 µm ± 50 µm, độ xốp 30 ± 10%. - Cỡ 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20 tương ứng với chiều dài lần lượt là 114.5/129.5/139.4/144.4/149.4/154.3/159.4/164.4/169.4/179.4 /189.4mm; Có các cỡ offset: 38.5/39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm; Độ dày lớp phủ 155µm ± 30 µm, độ xốp ≤ 10%. 2. Chòm: Chất liệu CoCrMo, đường kính chòm 32mm, offset từ -4, 0, +4, +8mm. 3. Lớp đệm: chất liệu polyethylene cao phân tử siêu liên kết crosslinked UHMWPE tiết trùng bằng công nghệ gama, đường kính trong 32mm, đường kính ngoài 39/44/48/52mm. Thiết kế kiểu 0 độ hoặc nghiêng 10 độ chống trật.
14	B14	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on UHMWPE	2			Bộ	1. Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4 phủ cpTi đầu gần, góc cổ chuỗi CCD 133, 138 độ, cổ chuỗi 12/14, cỡ chuỗi 6,25/7,5/8,75/10/11,25/12,5/13,75/15/17,5/20 tương ứng chiều dài lần lượt là 132,1/134,6/137,1/139,6/142,1/144,6/147,1/149,6/154,6/159,6mm; Có các cỡ offset từ 34.5mm đến 43.6mm; Độ dày lớp phủ 250 µm ± 50 µm, độ xốp 30 ± 10%. 2. Chòm chất liệu Ceramic Biolox Delta, đường kính 32/36mm, offset từ -4, 0, +4, +8mm. 3. Lớp đệm: chất liệu polyethylene cao phân tử siêu liên kết crosslinked UHMWPE tiết trùng bằng

		crosslink siêu liên kết, góc cổ chuôi CCD 133/138 độ		Lớp lót PE crosslinked	01 Cái	Cái	công nghệ gama, đường kính trong 32/36mm, đường kính ngoài 39/44/48/52mm. Thiết kế kiểu 0 độ hoặc nghiêng 10 độ chống trật. 4. Ổ cối không xi măng, chất liệu TiAl6V4 phủ cpTi. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/58/60/62/64/66/68mm, có 3 lỗ bắt vít ổ cối. 5. Vít ổ cối chất liệu TiAl6V4, đường kính 6,5mm, chiều dài 15/20/25/30/35/40/45/50mm Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 và EC
				Ổ cối không xi măng	01 Cái	Cái	
				Vít ổ cối (theo bộ)	02 Cái	Cái	
15	B15	Khớp háng toàn phần không xi măng, ceramic on ceramic, góc cổ chuôi 133/138 độ, chuôi và ổ cối phủ cpTi	2			Bộ	1. Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4 phủ cpTi đầu gần, góc cổ chuôi CCD 133, 138 độ, cổ chuôi 12/14, cỡ chuôi 6,25/7,5/8,75/10/11,25/12,5/13,75/15/17,5/20 tương ứng chiều dài lần lượt là 132,1/134,6/137,1/139,6/142,1/144,6/147,1/149,6/154,6/159,6mm; Có các cỡ offset từ 34.5mm đến 43.6mm; Độ dày lớp phủ 250 µm ± 50 µm, độ xốp 30 ± 10%. 2. Chòm chất liệu Ceramic BioloX Delta, đường kính 32/36mm, offset từ -4, 0, +4, +8mm. 3. Lớp đệm: Chất liệu Ceramic BioloX Delta, đường kính trong 32/36mm, đường kính ngoài 39/44/48/52mm. 4. Ổ cối không xi măng, chất liệu TiAl6V4 phủ cpTi. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/58/60/62/64/66/68mm, có 3 lỗ bắt vít ổ cối. 5. Vít ổ cối chất liệu TiAl6V4, đường kính 6,5mm, chiều dài 15/20/25/30/35/40/45/50mm Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 và EC
				Chuôi khớp không xi măng	01 Cái	Cái	
				Chòm xương đùi	01 Cái	Cái	
				Lớp lót ceramic	01 Cái	Cái	
				Ổ cối không xi măng	01 Cái	Cái	
				Vít ổ cối (theo bộ)	02 Cái	Cái	
16	B16	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, ceramic on PE. cross-linked siêu liên kết, chuôi phủ HA, góc cổ chuôi CCD 133/135/138 độ, ổ cối công nghệ in	2			Bộ	1. Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4, công nghệ phủ HA đầu gần hoặc toàn phần giúp kích thích sinh xương, góc cổ chuôi CCD 133, 135, 138 độ, cổ chuôi 12/14, cỡ chuôi gồm: - Cỡ 6.25/7.5/8.75/10/11.25/12.5/13.75/15/17.5/20mm tương ứng chiều dài lần lượt là 132.1/134.6/137.1/139.6/142.1/144.6/147.1/149.6/154.6 /159,6mm; Có các cỡ offset từ 34.5mm đến 43.6mm; Độ dày lớp phủ 250 µm ± 50 µm, độ xốp 30 ± 10%. - Cỡ 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20 tương ứng với chiều dài lần lượt là 114.5/129.5/139.4/144.4/149.4/154.3/159.4/164.4/169.4/179.4 /189.4mm; Có các cỡ offset: 38.5/39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm; Độ dày lớp phủ 155µm ± 30 µm, độ xốp ≤ 10%. 2. Chòm chất liệu Ceramic BioloX Delta, đường kính 32/36mm, offset từ -4, 0, +4, +8mm. 3. Lớp đệm: chất liệu polyethylene cao phân tử siêu liên kết crosslinked UHMWPE tiết trùng bằng công nghệ gama, đường kính trong 32/36mm, đường kính ngoài 39/44/48/52mm. Thiết kế kiểu 0 độ hoặc nghiêng 10 độ chống trật. 4. Ổ cối in 3D không xi măng chất liệu TiAl6V4, có cấu trúc xương xốp cấu thành bởi các sợi titan
				Chuôi khớp không xi măng, phủ HA	01 Cái	Cái	
				Chòm xương đùi	01 Cái	Cái	
				Lớp lót PE crosslinked	01 Cái	Cái	
				Ổ cối in 3D không xi măng	01 Cái	Cái	
				Vít ổ cối (theo bộ)	02 Cái	Cái	
17	B17	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, ceramic on ceramic, góc cổ chuôi 133/135/138 độ, phủ HA chuôi và ổ cối, chòm ceramic	2			Bộ	1. Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4, công nghệ phủ HA đầu gần hoặc toàn phần giúp kích thích sinh xương, góc cổ chuôi CCD 133, 135, 138 độ, cổ chuôi 12/14, cỡ chuôi gồm: - Cỡ 6.25/7.5/8.75/10/11.25/12.5/13.75/15/17.5/20mm tương ứng chiều dài lần lượt là 132.1/134.6/137.1/139.6/142.1/144.6/147.1/149.6/154.6 /159,6mm; Có các cỡ offset từ 34.5mm đến 43.6mm; Độ dày lớp phủ 250 µm ± 50 µm, độ xốp 30 ± 10%. - Cỡ 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20 tương ứng với chiều dài lần lượt là 114.5/129.5/139.4/144.4/149.4/154.3/159.4/164.4/169.4/179.4 /189.4mm; Có các cỡ offset: 38.5/39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm; Độ dày lớp phủ 155µm ± 30 µm, độ xốp ≤ 10%. 2. Chòm: Chất liệu Ceramic BioloX Delta, đường kính 32/36mm, offset từ -4, 0, +4, +8mm. 3. Lớp đệm: Chất liệu Ceramic BioloX Delta, đường kính trong 32/36mm, đường kính ngoài 39/44/48/52mm.
				Chuôi khớp không xi măng, phủ HA	1 cái	Cái	
				Chòm xương đùi	01 Cái	Cái	
				Lớp lót ceramic	01 Cái	Cái	
				Ổ cối không xi măng phủ HA	01 Cái	Cái	

		Ceramic 32/36mm		Vít ổ cối (theo bộ)	02 Cái	Cái	4. Ổ cối không xi măng chất liệu TiAl6V4 phủ HA. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm, có 3 lỗ bắt vít ổ cối.	
18	B18	Bộ khớp háng bán phần Bipolar có xi măng, chuôi bóng, góc cổ chuôi 135 độ	5				Bộ	1. Chuôi khớp có xi măng chất liệu CoCrMo, góc cơ than 135°, cơ chuôi 12/14mm, cơ các cơ 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20 tương ứng với chiều dài lần lượt là
				Chuôi khớp có xi măng	01 Cái	Cái	112/123.4/132.9/137.7/142.4/147.1/152/156.8/161.5/171.1/180.6mm; các cỡ offset từ 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.	
				Chôm CoCrMo	01 Cái	Cái	2. Chôm chất liệu CoCrMo, đường kính 22, 28mm, cổ đầu 12/14, offset từ -4, -3.5, 0, +3.5, +4, +7, +8mm.	
				Chôm kép	01 Cái	Cái	3. Chôm kép bên ngoài chất liệu bằng CoCrMo, bên trong bằng nhựa UHMWPE, các cỡ 38/39/40/41/42/43/44/45/46/47/48/49/50/51/52/53/54/55/ 56/57/58/59mm	
				Xi măng kháng sinh	01 Gói	Gói	4. Xi măng kháng sinh 3G, có 2 loại: Loại I: 60g bột Ethylene Oxide đã được tiệt trùng, trong đó bao gồm: 51.81g polymethyl Methacrylate (86.35%), 1.44g Benzoyl Peroxide (2.4%), 6.00g Barium Sulfate Ph Eur (10%)	
		Nút chặn xi măng	01 Cái	Cái	Loại II: 60g bột Ethylene Oxide đã được tiệt trùng, trong đó bao gồm: 51.81g polymethyl Methacrylate (86.35%), 1.44g Benzoyl Peroxide (2.4%), 6.00g Barium Sulfate Ph Eur (10%)			
19	B19	Bộ khớp háng bán phần Bipolar không xi măng, chuôi phủ HA, góc cổ chuôi CCD	3				Bộ	1. Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4, công nghệ phủ HA đầu gan hoặc toàn phần giúp kích thích sinh xương, góc cổ chuôi CCD 133, 135, 138 độ, cổ chuôi 12/14, cỡ chuôi gồm: - Cỡ 6.25/7.5/8.75/10/11.25/12.5/13.75/15/17.5/20mm tương ứng chiều dài lần lượt là 132.1/134.6/137.1/139.6/142.1/144.6/147.1/149.6/154.6 /159,6mm; Có các cỡ offset từ 34.5mm đến 43.6mm; Độ dày lớp phủ 250 µm ± 50 µm, độ xốp 30 ± 10%.
				Chuôi khớp không xi măng, phủ HA	01 Cái	Cái	- Cỡ 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20 tương ứng với chiều dài lần lượt là 114.5/129.5/139.4/144.4/149.4/154.3/159.4/164.4/169.4/179.4 /189.4mm; Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm; Độ dày lớp phủ 155µm ± 30 µm, độ xốp ≤ 10%.	
				Chôm CoCrMo	01 Cái	Cái		
				Chôm kép	01 Cái	Cái		
20	B20	Bộ khớp háng bán phần Bipolar, không xi măng, góc cổ chuôi 133/138 độ	3				Bộ	1. Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4 phủ cp11 đầu gan, góc cơ chuôi CCD 133, 138 độ, cơ chuôi cỡ 12/14, cỡ chuôi 6,25/7,5/8,75/10/11,25/12,5/13,75/15/17,5/20mm tương ứng chiều dài lần lượt là 132,1/134,6/137,1/139,6/142,1/144,6/147,1/149,6/154,6/159,6mm; Có các cỡ offset từ 34.5mm đến 43.6mm; Độ dày lớp phủ 250 µm ± 50 µm, độ xốp 30 ± 10%.
				Chuôi khớp không xi măng	01 Cái	Cái	2. Chôm chất liệu CoCrMo, đường kính 22, 28mm, cổ đầu 12/14, offset từ -4, -3.5, 0, +3.5, +4, +7, +8mm.	
				Chôm CoCrMo	01 Cái	Cái	3. Chôm kép bên ngoài chất liệu bằng CoCrMo, bên trong bằng nhựa UHMWPE, các cỡ 38/39/40/41/42/43/44/45/46/47/48/49/50/51/52/53/54/55/ 56/57/58/59mm	
				Chôm kép	01 Cái	Cái		
21	B21	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, loại chuôi dạng mô đụn, dài 200mm, cổ dài 50/60/70mm tùy chỉnh	3				Bộ	1. Chôm kép: bên ngoài bằng chất liệu CoCrMo, bên trong bằng nhựa cao phân tử UHMWPE, kích thước: 39/40/41/42/43/44/45/46/47/48/49/50/51/52/53/ 54/55/56/58/60
				Chôm kép	01 Cái	Cái	2. Chôm CoCrMo: đường kính 22.2mm và 28mm, cổ đầu 12/14, có các cỡ S, M, L, L1;	
				Chôm CoCrMo	01 Cái	Cái	3. Cổ xương đùi dạng mô đụn, tùy chỉnh 360 độ, gồm 3 loại: có cánh, không cánh và nghiêng chéo, kích cỡ: S, M, L tương đương độ dài 50, 60, 70mm.	
				Cổ xương đùi MRP	01 Cái	Cái	4. Chuôi không xi măng dạng mô đụn: Chuôi thân xương đùi titan, loại 200 mm, cong, thiết kế dạng hoa khế, hình côn chống xoay, lún, đường kính 13/14/15/16/17/18/19/20/21/22/23/24/25/26/27/28/29/30/31/32/33/34mm.	
				Chuôi thân xương đùi MRP	01 Cái	Cái	5. Vít M6 chất liệu Ti6Al4V phủ TiN Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 và EC	
		Vít M6	01 Cái	Cái				

Tổng số: 21 khoản

PHỤ LỤC III : BẢNG MÔ TẢ
GÓI 5 MUA SẮM HOÁ CHẤT, VẬT TƯ TIÊU HAO, SINH PHẨM Y TẾ PHỤC VỤ XÉT NGHIỆM NĂM 2023
Kèm theo thư mời số: /TM-VYHPKKQ

STT	MÃ THĂU	TÊN HÀNG HOÁ	ĐỊNH MỨC TỐI THIỂU (Tổng ml R1/Tổng số test)	ĐỊNH MỨC TỐI THIỂU (ml R1/ test)	SỐ LƯỢNG	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói hoặc tương đương	TIÊU CHUẨN HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG DỰ KIẾN
		PHẦN I. HOÁ CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM AU680						ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN
1	AU.1	Uric Acid	169.2ml/2256	0.08	18	Hộp	4x42.3ml+4x17.7ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid ; dải đo: 89-1785 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: Uricase/POD .
2	AU.2	Hóa chất định lượng Albumin	216.0ml/2160	0.10	4	Hộp	4x54ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin ; dải đo: 15-60 g/L ; phương pháp: Bromocresol Green (BCG), bước sóng 600/800 nM .
3	AU.3	Định lượng Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy	130.4ml/370	0.35	2	Hộp	4x32.6ml+4x4.4ml	Hóa chất dùng để định lượng nồng độ Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy; dải đo: nước tiểu 7-450 mg/L, CSF 10-450 mg/L; phương pháp turbidimetric(độ đục); bước sóng 380/800 (nm).
4	AU.4	Chất hiệu chuẩn albumin trong nước tiểu/dịch não tủy			1	Hộp	5x2ml	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/CSF; . Thành phần bao gồm: Albumin người và Natri azide < 0.1 % (w/w)
5	AU.5	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu			1	Hộp	6x15mL	Chất kiểm chứng dạng lỏng được sản xuất từ vật liệu có nguồn gốc từ con người dùng cho các xét nghiệm nước tiểu. Sản xuất từ chất nền là nước tiểu người có thêm amylase nước tiểu của người, hCG có nguồn gốc từ nước tiểu người, albumin của người và bò, chất bảo quản và chất ổn định
6	AU.6	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần	90.0ml/1500	0.06	40	Hộp	4x22.5ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol ; dải đo: 0.5-18 mmol/L ; phương pháp: CHO-POD; bước sóng 540/600 nM.
7	AU.7	Hóa chất định lượng AST/GOT	24.0ml/400	0.06	100	Hộp	4x6ml+4x6ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC.
8	AU.8	Hóa chất định lượng ALT/GPT	48.0ml/400	0.12	100	Hộp	4x12ml+4x6ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC.
9	AU.9	Hóa chất định lượng GGT	160.0ml/1600	0.10	15	Hộp	4x40ml+4x40ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT ; dải đo: 5-1200 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC.
10	AU.10	Hóa chất định lượng Triglyceride	200.0ml/1660	0.12	20	Hộp	4x50ml+4x12.5ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride ; dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM.
11	AU.11	Hóa chất định lượng Urea/Urea nitrogen	212.0ml/3500	0.06	20	Hộp	4x53ml+4x53ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH \geq 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate \geq 9.8 mmol/L ;Urease \geq 17.76 kU/L; GLDH \geq 0.16 kU/L
12	AU.12	Hóa chất định lượng α -Amylase	160.0ml/695	0.23	8	Hộp	4x40ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α -Amylase ; dải đo: 10-2000 U/L ; phương pháp: CNPG3. Thành phần: Calcium acetate 3.60 mmol/L; Potassium thiocyanate 253 mmol/L; CNPG3 1.63 mmol/L
13	AU.13	Hóa chất định lượng Creatinine	204.0ml/1360	0.15	36	Hộp	4x51ml+4x51ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.
14	AU.14	Hóa chất định lượng Glucose	100.0ml/1660	0.06	50	Hộp	4x25ml+4x12.5ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP \geq 2,0 mmol/L, Hexokinase \geq 0,59 kU/L, G6P-DH \geq 1,58 kU/L
15	AU.15	Cuvette 5mm			20	Cái	1 cái	Chất liệu: thạch anh. trong suốt

16	AU.16	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c			8	Hộp	1000ml	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c. Thành phần: Tetradeoyltrimethylammonium bromid 9000 g/L
17	AU.17	Định lượng HbA1c	75.0ml/500	0.15	15	Hộp	2x37.5ml+2x7.5ml+2x34.5ml+5x2mlc	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HbA1c, gồm chất hiệu chuẩn đi kèm hóa chất; dải đo 4-15%; phương pháp Turbidimetric Immuno-inhibition.
18	AU.18	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c			6	Hộp	2x1ml+2x1ml	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c. Thành phần: Máu người, tương thích với máy của đơn vị
19	AU.19	Photometer Lamp			4	cái	1 cái	Bóng đèn Halogen, 12V, 20W, tương thích với máy của đơn vị
20	AU.20	Roller Tubing (ống dây bơm) 2pcs/bag			12	cái	1 cái	Làm bằng cao su và nhựa, dài 10.5 cm, tương thích với máy của đơn vị
21	AU.21	Hóa chất hiệu chuẩn máy			20	Lọ	1x5ml	Huyết thanh hiệu chuẩn Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật. tương thích với máy của đơn vị
22	AU.22	Hóa chất kiểm chứng máy Control Serum 1			20	Lọ	1x5ml	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật, tương thích với máy của đơn vị
23	AU.23	Hóa chất kiểm chứng máy Control Serum 2			20	Lọ	1x5ml	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật, tương thích với máy của đơn vị
24	AU.24	Wash Solution			12	Can	1x5l	Dung dịch rửa hệ thống, tương thích với máy của đơn vị
25	AU.25	CRP Latex	120.0ml/800	0.15	10	Hộp	4x30ml+4x30ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP Latex; dải đo: 0.2-480 mg/L; phương pháp: Immunoturbidimetric.
26	AU.26	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP Latex Calibrator Highly Sensitive (HS) set			2	Hộp	5x2ml	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao. Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa các lượng khác nhau của CRP người, tương thích với máy của đơn vị
27	AU.27	Ethanol	40.0ml/160	0.25	12	Hộp	2x20ml+2x7mL	Dải đo: 8.11 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE
28	AU.28	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ethanol (Calibrator)			2	Hộp	2x5mL	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: đệm amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat, tương thích với máy của đơn vị
29	AU.29	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm (Ethanol Control I)			2	Hộp	3x5mL	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat, tương thích với máy của đơn vị
30	AU.30	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm (Ethanol Control II)			2	Hộp	3x5mL	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat, tương thích với máy của đơn vị
31	AU.31	HDL-Cholesterol	205.2ml/1026	0.20	12	Hộp	4x51.3ml+4x17.1ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol; dải đo: 0.05-4.65 mmol/L; phương pháp: Enzymatic colour).
32	AU.32	LDL-Cholesterol	205.2ml/1026	0.20	12	Hộp	4x51.3ml+4x17.1ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L; phương pháp: Enzymatic colour.
33	AU.33	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL-Cholesterol (Calibrator)			2	Hộp	2x3ml	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người).
34	AU.34	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL			2	Hộp	2x1ml	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL. Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người).
35	AU.35	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol			2	Cặp	1x5ml + 1x5ml	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người)
36	AU.36	Hóa chất Định lượng CK-MB	44.0ml/290	0.15	10	Hộp	2x22ml+2x4ml+2x6ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB; dải đo: 10-2000 U/L; phương pháp: Enzymatic immuno-inhibition (ức chế miễn dịch enzym), Bước sóng 340 (nm).
37	AU.37	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB Calibrator			2	Lọ	1x1ml	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme

38	AU.38	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm CK-MB Control Serum Level 1			2	Lọ	1x2ml	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.
39	AU.39	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm CK-MB Control Serum Level 2			2	Lọ	1x2ml	Chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần:Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.
40	AU.40	Định lượng Sắt			2	Hộp	4x30ml+4x30ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Sắt ; dải đo: 2-179 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: TPTZ, bước sóng 600/800 nM.
41	AU.41	Định lượng Pepsinogen I			10	Hộp	20mlx2+8ml x1	"Nguyên lí: Latex agglutination turbidimetric immunoassay; Dải đo: 2.5 - 200 ng/mL;
42	AU.42	Định lượng Pepsinogen II			10	Hộp	20mlx2+8ml x1	"Nguyên lí: Latex agglutination turbidimetric immunoassay; Dải đo: 2 - 100 ng/mL;
43	AU.43	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Pepsinogen I và Pepsinogen II			2	Hộp	3mLx1+1mL x1x5level	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Pepsinogen I và Pepsinogen II. Thành phần: Pepsinogen I và II của người, đệm phosphat có chứa albumin bò. Tương thích với máy của đơn vị
44	AU.44	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Pepsinogen I và Pepsinogen II			2	Hộp	2mLx2x2level	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Pepsinogen I và Pepsinogen II Thành phần: Pepsinogen I và II của người, đệm phosphat có chứa huyết thanh bò. Tương thích với máy của đơn vị
45	AU.45	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin	60.0ml/1000	0.06	15	Hộp	4x15ml+4x15ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin ; dải đo: 0-513 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 540 nM.
46	AU.46	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	80.0ml/1330	0.06	15	Hộp	4x20ml+4x20ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp ; dải đo: 0-171 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM.
47	AU.47	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Protein	100.0ml/1000	0.10	15	Hộp	4x25ml+4x25ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần ; dải đo: 30-120 g/L ; phương pháp: Biuret.
48	AU.48	Xilanh hút bệnh phẩm			2	cái	1 cái	Được làm từ nhựa, thủy tinh, kim loại, dài 8.8 cm. Dùng để hút chính xác thể tích mẫu. Tương thích với máy của đơn vị
49	AU.49	Xilanh hút bệnh phẩm hút hoá chất			3	cái	1pcs/box	Được làm từ nhựa, thủy tinh, kim loại, dài 9 cm. Dùng để hút chính xác thể tích hóa chất. Tương thích với máy của đơn vị
50	AU.50	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch			1	Lọ	1x2ml	Chất kiểm chuẩn huyết thanh người dạng lỏng. Tương thích với máy của đơn vị
51	AU.51	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch			1	Lọ	1x2ml	Chất kiểm chuẩn huyết thanh người dạng lỏng Tương thích với máy của đơn vị
52	AU.52	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục			1	Lọ	1x2ml	Chất kiểm chuẩn huyết thanh người dạng lỏng. Tương thích với máy của đơn vị
53	AU.53	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Zinc			2	Hộp	2x20ml+1x10ml	Dải đo: tinh dịch (176 $\mu\text{g/dL}$ - 30000 $\mu\text{g/dL}$), huyết thanh (7.7 $\mu\text{g/dL}$ - 1250 $\mu\text{g/dL}$), phương pháp đo: BROMO-PAPS
54	AU.54	Chất chuẩn cho xét nghiệm Zinc			1	Lọ	1x3mL	Dạng lỏng, Thành phần: chứa kẽm nồng độ 200 $\mu\text{g/dL}$ (30.6 $\mu\text{mol/L}$)
55	AU.55	Hóa chất xét nghiệm Zinc, sử dụng cho máy hệ mở			2	Hộp	5x25mL(125mL)	Dải đo: lên đến 400 $\mu\text{g/dL}$. Phương pháp xét nghiệm: đo màu, Đo điểm cuối, Phản ứng động học tăng, Br-PAPS.
PHẦN II. HOÁ CHẤT DÙNG CHO MÁY BX4000								ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN
56	BX.1	ALT/GPT	150.0mlml/500	0.30	12	Hộp	R1: 6 x 44 ml, R2: 6 x 11 ml	Thuốc thử xác định định lượng ALT trong huyết thanh và huyết tương, theo khuyến cáo của IFCC trên máy phân tích sinh hóa; Tương thích với máy của đơn vị
57	BX.2	AST/GOT	150.0mlml/500	0.30	12	Hộp	R1: 6 x 44 ml, R2: 6 x 11 ml	Thuốc thử xác định định lượng ALP trong huyết thanh và huyết tương, theo khuyến cáo của IFCC trên máy phân tích sinh hóa; Tương thích với máy của đơn vị

58	BX.3	CHOLESTEROL	250ml/		12	Hộp	R1: 1 x 250 ml, R2 STD: 1 x 3 ml	Thuốc thử xác định định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích sinh hóa; Tương thích với máy của đơn vị
59	BX.4	CREATININE	100.0mlml/330	0.30	15	Hộp	R1: 2 x 50 ml, R2: 2 x 50 ml, R3 STD: 1 x 5	Thuốc thử xác định định lượng Creatinine trong huyết thanh và huyết tương và trong nước tiểu trên máy phân tích sinh hóa; Tương thích với máy của đơn vị
60	BX.5	GAMMA GLUTAMYL TRANSFERASE (GGT)	88.0ml/400	0.22	10	Hộp	R1: 2 x 44 ml, R2: 2 x	Thuốc thử xác định định lượng-Glutamyl Transferase (γ -GT) trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích sinh hóa; Tương thích với máy của đơn vị
61	BX.6	TRIGLYCERIDES	250.0ml/830	0.30	10	Hộp	R1: 1 x 250 ml, R2 std: 1 x 3 ml	Thuốc thử xác định định lượng Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích sinh hóa; Tương thích với máy của đơn vị
62	BX.7	GLUCOSE	440.0ml/1100	0.40	15	Hộp	R1: 10 x 44 ml	Thuốc thử xác định định lượng Glucose trong huyết thanh và huyết tương và CSF trên máy phân tích sinh hóa; Tương thích với máy của đơn vị
63	BX.8	Xét nghiệm Hba1c trong máu	24.0ml/133	0.18	70	Hộp	R1: 2 x 21 ml R2: 2 x 8 ml R3: 3 x 50 ml	Thuốc thử định lượng nồng độ HbA1C trong máu toàn phần, 3 thành phần R1: Mù 0,1 % R2: Anti-HbA1c Kháng thể đơn dòng kháng huyết sắc tố người HbA1c chuột liên kết chéo đệm NaCl 2% R3: Dung dịch tán huyết Tương thích với máy của đơn vị
64	BX.9	Hóa chất hiệu chuẩn HBA1c Cal Set			2	Hộp	5 x 0,5 ml	Hóa chất chuẩn cho HbA1C, là một bộ gồm năm mẫu chuẩn đông khô với các mức độ khác nhau dựa trên nguyên liệu máu người (hồng cầu). Tương thích với máy của đơn vị
65	BX.10	Hóa chất kiểm chuẩn HBA1c Control H			2	Hộp	4 x 0,5 ml	Hóa chất kiểm tra cho HbA1C mức cao, là một bộ gồm bốn mẫu chứng đông khô dựa trên vật liệu máu (hồng cầu). Tương thích với máy của đơn vị
66	BX.11	Hóa chất HBA1c Control L			2	Hộp	4 x 0,5 ml	Hóa chất kiểm tra cho HbA1C mức bình thường là một bộ gồm bốn mẫu chứng đông khô dựa trên kết quả xét nghiệm của con người vật liệu máu (hồng cầu). Tương thích với máy của đơn vị
67	BX.12	HIỆU CHUẨN CÁC XÉT NGHIỆM CƠ BẢN			2	Hộp	4 x 3 ml	Hoá chất hiệu Chuẩn máy Sinh hóa là là chất hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ và hoạt độ phù hợp để hiệu chuẩn các xét nghiệm hóa lâm sàng trên máy phân tích hóa lâm sàng tự động. Tương thích với máy
68	BX.13	Kiểm chuẩn các xét nghiệm cơ bản Level 1			2	Hộp	R1: 4x5 ml	Kiểm chuẩn Level 1 máy sinh hóa: Huyết thanh kiểm soát (đã thử nghiệm) được dùng để theo dõi độ chính xác và độ chính xác của xét nghiệm hóa học lâm sàng thường được sử dụng trong phạm vi bình thường. Tương thích với máy của đơn
69	BX.14	Kiểm chuẩn các xét nghiệm cơ bản Level 2			2	Hộp	R1: 4x5 ml	Kiểm chuẩn Level 2 máy sinh hóa: Huyết thanh kiểm soát (đã thử nghiệm) được dùng để theo dõi độ chính xác và độ chính xác của xét nghiệm hóa học lâm sàng thường được sử dụng trong phạm vi bệnh lý. Tương thích với máy của đơn vị
70	BX.15	Nước rửa hệ thống			4	can	4x100 ml	Dung dịch rửa hệ thống Máy sinh hóa: Là dung dịch đậm đặc được sử dụng với máy phân tích hóa học lâm sàng tự động. Tương thích với máy của đơn vị
PHẦN III. HOÁ CHẤT DÙNG CHO MÁY CA600								ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN
71	CA.1	Hóa chất được dùng để xác định thời gian đông máu (PT)	40.0ml/330	0.12	12	Hộp	10x4ml	- Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) -thành phần: Hóa chất đông khô, kết hợp với yếu tố mô ở người và phospholipids tổng hợp (thromboplastin), ion Canxi, phức hợp heparin trung hòa, dung dịch đệm, chất bảo quản (Albumin huyết thanh bò).
72	CA.2	Actin FS (APTT) (Hóa chất xác định thời gian thromboplastin từng phần hoạt hóa)	20.0ml/250	0.08	12	Hộp	10x2ml	Tương thích với máy của đơn vị- Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin một phần được kích hoạt (APTT)

73	CA.3	Hóa chất bổ sung cho các xét nghiệm đông máu Calcium choloride solution (APTT)			5	Hộp	10x15ml	Tương thích với máy của đơn vị- Sử dụng như hoá chất bổ xung trong các xét nghiệm đông máu - thành phần: Dung dịch CaCl ₂ (0.025 mol/L)
74	CA.4	Hóa chất xác định nồng độ Fibrinogen trong huyết tương	10.0ml/125	0.08	24	Hộp	10x1ml	Tương thích với máy của đơn vị- Sử dụng để định lượng fibrinogen trong huyết tương
75	CA.5	Dung môi pha loãng cho các xét nghiệm đông máu (Owens veronal buffer)			4	Hộp	10x15ml	-Tương thích với máy của đơn vị, Dung môi pha loãng cho các xét nghiệm đông máu
76	CA.6	Hóa chất rửa trên hệ thống máy đông máu tự động (CA clean I) (GSA-500A)			12	Hộp	1x50ml	Tương thích với máy của đơn vị. Chất tẩy rửa dùng cho máy phân tích đông máu hoàn toàn tự động - thành phần: Sodium hypochlorite 1.0% (có sẵn clo)
77	CA.7	Cồng phản ứng dùng để chứa mẫu và hóa chất Reaction tube			5	Gói	3000 cái/túi	- Cồng phản ứng dùng để chứa mẫu và hóa chất trên dòng máy phân tích đông máu tự động CA-series. Tương thích với máy của đơn vị
PHẦN IV. HOÁ CHẤT DÙNG CHO MÁY AIA360								
ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN								
78	AIA.1	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng nguyên kháng virus viêm gan B bề mặt HBsAb			500	Test	100 test/hộp	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng nguyên kháng virus viêm gan B bề mặt chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng HBs và kết hợp với kháng thể đơn dòng kháng HBs được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide
79	AIA.2	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAg			2	Hộp	1mLx4	Bao gồm Huyết thanh của người chứa nồng độ không xác định của HbsAg với chất bảo quản sodium azide. Huyết thanh người có chứa nồng độ xác định được của HbsAg với chất bảo quản sodium azide.
80	AIA.3	Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 15-3			1000	Test	100 test/hộp	Bao gồm Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 15-3 và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 15-3 (đối với CA 15-3 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide
81	AIA.4	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CA 153			4	Hộp	1mLx12	Bao gồm Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 15-3 Calibrator (1) 0 mg/L Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 15-3, chất bảo quản natri azide. Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 15-3 Calibrator (2) 1.2 U/mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 15-3 Calibrator (3) 2.4 U/L Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 15-3 Calibrator (4) 4.8 U/mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 15-3 Calibrator (5) 9.5 U/mL Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 15-3 Calibrator (6) 21 U/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ CA 15-3 được chỉ định, chất bảo quản natri azides.
82	AIA.5	Hóa chất xét nghiệm định lượng Thyroglobulin			400	Test	100 test/hộp	Bao gồm Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng Tg và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng TG được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide
83	AIA.6	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Tg			2	Hộp	1mLx12	Bao gồm Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Thyroglobulin (1)-(6) Protein nền chứa nồng độ được chỉ định của Tg (đông khô).

84	AIA.7	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA tự do			2400	Test	100 test/hộp	Bao gồm cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng free PSA được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.
85	AIA.8	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Free PSA			4	Hộp	1mLx12	Bao gồm: huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của FT3 (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide (đông khô).
86	AIA.9	Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP			2400	Test	100 test/hộp	Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein. Bao gồm Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng AFP và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng AFP (đối với AFP của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.
87	AIA.10	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AIA-PACK AFP CALIBRATOR.			4	Hộp	1mLx4	Bao gồm Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của AFP, chất bảo quản natri azide Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của AFP, chất bảo quản natri azide
88	AIA.11	Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA			2400	Hộp	100TEST	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư CEA (carcinoembryonic). Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CEA và 50 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng CEA (đối với CEA của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri
89	AIA.12	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AIA-PACK CEA CALIBRATOR			4	Hộp	1mLx4	Bao gồm Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của CEA, chất bảo quản natri azide Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của CEA (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide.
90	AIA.13	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA19-9			2400	Test	100TEST	Bao gồm Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA19-9 và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA19-9 (đối với CA19-9 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.
91	AIA.14	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AIA-PACK CA19-9 CALIBRATOR			4	Hộp	1mLx12	Bao gồm Hóa chất hiệu chuẩn AIA-PACK CA 19-9 Calibrator (1) 0 mg/L. Protein nền không chứa nồng độ CA 19-9 có thể phát hiện được, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng). Protein nền chứa nồng độ CA 19-9 được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ) chất bảo quản natri azide (đông khô).
92	AIA.15	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA125			1000	Test	100TEST	Bao gồm Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 125 và 50 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 125 (đối với CA 125 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.
93	AIA.16	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AIA-PACK CA125 CALIBRATOR			4	Hộp	1mLx12	Bao gồm Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 125, chất bảo quản natri azide. Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ CA 125 được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azides (được làm đông khô).

94	AIA.1 7	Hóa chất xét nghiệm định lượng SCC			1000	Test	100TEST	Bao gồm Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng SCC và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng SCC được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide
95	AIA.1 8	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng ST AIA-PACK SCC CALIBRATOR			4	Hộp	1mLx12	Bao gồm Protein nền không chứa nồng độ có thể phát hiện của hGH, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng). Protein nền chứa nồng độ được chỉ định của SCC (mô tả trên mỗi lọ) (đông khô).
96	AIA.1 9	ST AIA-PACK TSH			1200	Test	100TEST	Bao gồm Cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH và 50 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide
97	AIA.2 0	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AIA-PACK TSH (3G) CALIBRATOR			4	Hộp	1mLx12	Bao gồm Protein nền không chứa nồng độ có thể phát hiện của TSH, chất bảo quản natri azide. Protein nền chứa nồng độ được chỉ định của TSH 3rd-Gen (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide.
98	AIA.2 1	Hóa chất xét nghiệm định lượng TT3			1200	Test	100TEST	Bao gồm Cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của chuột kháng T3 và 125 μ L của T3 được kết hợp với phosphatase kiềm của bò và ANS, chất bảo quản natri azide.
99	AIA.2 2	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AIA-PACK TT3 CALIBRATOR			4	Hộp	1mLx12	Bao gồm Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của T3, chất bảo quản natri azide. Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của T3 (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide.
100	AIA.2 3	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4			1200	Test	100TEST	Bao gồm Cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đa dòng của thỏ kháng T4 và 140 μ L thyrozone (T4) được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide
101	AIA.2 4	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AIA-PACK FT4 CALIBRATOR			4	Hộp	1mLx12	Bao gồm Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của FT4, chất bảo quản natri azide (đông khô). Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của FT4 (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide (đông khô).
102	AIA.2 5	TOSOH MULTI-CONTROL LEVEL 2			4	Hộp	5ml x 3	Hóa chất kiểm tra mức II 3 x 5 mL: hóa chất kiểm tra Tosoh Multi Control Level 2 (đông khô), tương thích với máy của đơn vị
103	AIA.2 6	TOSOH MULTI-CONTROL LEVEL 3			4	Hộp	5ml x 3	Hóa chất kiểm tra mức III 3 x 5 mL: hóa chất kiểm tra Tosoh Multi Control Level 3 (đông khô), tương thích với máy của đơn vị
104	AIA.2 7	Detector standardization cup			1	Hộp	200 TEST	Cốc hóa chất Detector Standardization Test Cup, tương thích với máy của đơn vị
105	AIA.2 8	AIA-PACK Wash concentrate			10	Hộp	100ml x 4	hóa chất rửa AIA-PACK Wash Concentrate, dung dịch đệm với chất tẩy và chất kìm hãm vi khuẩn, tương thích với máy của đơn vị

106	AIA.2 9	AIA-PACK Diluent concentrate			20	Hộp	100ml x 4	hóa chất pha loãng AIA-PACK Diluent Concentrate, dung dịch đệm với chất tẩy, tương thích với máy của đơn vị
107	AIA.3 0	AIA-PACK Substrate Set II			18	Hộp	100ml x 2	Substrate II Hóa chất nền AIA-PACK Substrate Reagent II, 4-methylumbelliferyl photphat, chất ổn định, chất bảo quản natri azide (đông khô). Hóa chất nền AIA-PACK Substrate Reconstituent II, chất đệm chứa chất bảo quản natri azide (dạng lỏng).
108	AIA.3 1	Hóa chất kiểm tra cho xét nghiệm HBV Ab			2	Hộp	2set*2level	Bao gồm: Hóa chất kiểm tra HBV Antibody Control Level 1, Level 2
109	AIA.3 2	Hóa chất kiểm tra cho xét nghiệm HBV Ag			2	Hộp	6set*2level	Bao gồm: HBV Antigen Control Level 1, Level 2: huyết thanh của người với HBsAg và HbeAg (đông khô)
110	AIA.3 3	Hóa chất kiểm tra cho xét nghiệm Tg			2	Hộp	2set*2level	Hóa chất kiểm tra Thyroglobulin Control Level 1, Level 2
111	AIA.3 4	Hóa chất kiểm tra cho xét nghiệm SCC			2	Hộp	2set*2level	Hóa chất kiểm tra SCC Control Level 1, Level 2
112	AIA.3 5	Hóa chất pha loãng mẫu cho xét nghiệm CA15-3			2	Hộp	100mLx4	Hóa chất pha loãng CA 15-3, chất đệm albumin huyết thanh của bò không chứa nồng độ có thể xác định của CA 15-3, chất bảo quản natri azide
113	AIA.3 6	ST AIA-PACK PSA II			1200	Hộp	100TEST	Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA và kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide
114	AIA.3 7	Hóa chất xét nghiệm định lượng HCGII			300	Hộp	100TEST	Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng HCG II và kháng thể đơn dòng của chuột kháng HCG II được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide
115	AIA.3 8	Hóa chất xét nghiệm định lượng β HCGII			300	Hộp	100TEST	Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng β HCG II và kháng thể đơn dòng của chuột kháng β HCG II được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide
116	AIA.3 9	Hóa chất xét nghiệm định lượng CTNI 3 RD -GEN			500	Hộp	100TEST	Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN và kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide
117	AIA.4 0	Hóa chất xét nghiệm định lượng HBSAB			300	Hộp	100TEST	Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với HBsAg và HBsAg tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide
118	AIA.4 1	ST AIA-PACK PSA II CALIBRATOR			2	Hộp	1mLx12	Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của PSA, chất bảo quản natri azide. Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của PSA, chất bảo quản natri.
119	AIA.4 2	ST AIA-PACK HCGII CALIBRATOR			2	Hộp	1mLx12	Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của HCG II, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng). Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của HCG (đông khô).

120	AIA.4 3	ST AIA-PACK β HCGII CALIBRATOR			2	Hộp	1mLx12	Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của β HCG, chất bảo quản natri azide. Huyết thanh người chứa nồng độ β HCG được chỉ định (được đông khô). Chất bảo quản natri azide.
121	AIA.4 4	ST AIA-PACK CTNI 3 RD - GEN CALIBRATOR			2	Hộp	1mlx12	Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của cTnI, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng). Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của cTnI (mô tả trên lọ), chất bảo quản natri azide (đông khô).
122	AIA.4 5	AIA-PACK HBSAB CALIBRATOR			2	Hộp	1mLx12	Albumin Huyết thanh của bò chứa nồng độ không xác định của HbsAb với chất bảo quản sodium azide Albumin Huyết thanh bò có chứa nồng độ xác định được của HbsAb với chất bảo quản sodium azide
123	AIA.4 6	AIA-PACK HGH CALIBRATOR			2	Hộp	1mLx12	Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của HCG II, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng). Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của HCG (mô tả trên mỗi lọ) (đông khô).
124	AIA.4 7	Hóa chất pha loãng mẫu cho xét nghiệm Beta-HCGII			6	Hộp	4mLx4	Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của Beta HCG, chất bảo quản natri azide
125	AIA.4 8	Hóa chất pha loãng mẫu cho xét nghiệm HBsAg			6	Hộp	4mLx4	Ma trận protein có chứa nồng độ không xác định HbsAg với chất bảo quản sodium azide
126	AIA.4 9	AIA-PACK HBSAB SAMPLE DILUTING			6	Hộp	4mLx4	Ma trận protein có chứa nồng độ không xác định HbsAg với chất bảo quản sodium azide
127	AIA.5 0	AIA-PACK HBV ANTIBODY CONTROL SET			3	Hộp	2set*2level	Hóa chất kiểm tra HBV Antibody Control Level 1, Level 2
128	AIA.5 1	AIA-PACK HBV ANTIGEN CONTROL SET			3	Hộp	6set*2level	HBV Antigen Control Level 1, Level 2
129	AIA.5 2	AIA-PACK Thyroglobulin CONTROL SET			3	Hộp	2set*2level	Hóa chất kiểm tra Thyroglobulin Control Level 1, Level 2
130	AIA.5 3	AIA-PACK SCC CONTROL SET			3	Hộp	2set*2level	Hóa chất kiểm tra SCC Control Level 1, Level 2
131	AIA.5 4	AIA-PACK Sample Cup			6	Hộp	1000 cup	Cốc đựng mẫu bệnh phẩm, tương thích với máy của đơn vị
		PHẦN V. HOÁ CHẤT DÙNG CHO MÁY ILYTE						ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN
132	IL.1	Fluid pack Na/K/Ca/pH/800ml	800.0/400	2.00	30	hộp	Dung dịch Hộp 1x800ml	Hóa chất đo điện giải Na/K/Ca/Ph Bảo quản ở nhiệt độ thường Phù hợp với máy đang sử dụng tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485 hoặc tương đương
133	IL.2	Daily Clean			30	Hộp	Dung dịch Hộp 1x100ml	Dung dịch rửa và làm sạch các đường dây dẫn mẫu trong máy xét nghiệm điện giải Bảo quản ở nhiệt độ thường Phù hợp với máy đang sử dụng tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485
134	IL.3	Dây bơm dùng cho máy điện giải			3	Dây	1 dây/hộp	Tương thích với máy tại đơn vị Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485 hoặc tương đương

135	IL.4	Điện cực K			2	cái	1 cái/hộp	Điện cực K, ionophores trung tính, dùng cho máy xét nghiệm điện giải Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485 hoặc tương đương
136	IL.5	Điện cực Na			2	cái	1 cái/hộp	Điện cực Na, chứa đường ống thủy tinh đặc biệt nhạy với ion Na, dùng cho máy xét nghiệm điện giải Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485 hoặc tương đương
137	IL.6	Điện Ca			2	cái	1 cái/hộp	Điện cực Ca, ionophores trung tính, dùng cho máy xét nghiệm điện giải Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485 hoặc tương đương
138	IL.7	Điện cực tham chiếu			2	cái	1 cái/hộp	Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485 hoặc tương đương
139	IL.8	Kim hút bệnh phẩm			2	cái		Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485 hoặc tương đương
		PHẦN VI. HOÁ CHẤT DÙNG CHO MÁY CBS400 (Nhà thầu cam kết cho mượn máy xét nghiệm trong suốt quá trình sử						ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN
140	CBS.1	Calibration pack			5	Hộp	Hộp 1270ml	Thành phần gồm: Standard A: 530ml Standard B: 210ml Rinse Solution: 220ml Reference solution: 310ml
141	CBS.2	Electrolyte calibrator			5	Hộp	Hộp: 3x4x2ml	Calibrator được cung cấp trong các ống kín có chứa chất đệm, chất bảo quản và muối NaCl, KCl, C ₂ H ₃ NaO ₂ , CaCl ₂ , C ₂ H ₅ NO ₂ , trong huyết thanh động vật.
142	CBS.3	Electrolyte control			5	Hộp	Hộp: 3x5x2ml	Control được cung cấp trong các ống kín có chứa chất đệm, chất bảo quản và muối NaCl, KCl, C ₂ H ₃ NaO ₂ , CaCl ₂ , C ₂ H ₅ NO ₂ , trong huyết thanh động vật
143	CBS.4	Daily Cleaning Solution			5	Hộp	Hộp: 0.13gx2+10 ml	Thành phần bao gồm: Lọ A: NaCl, KCl, CaCl ₂ , LiCl, HCl Lọ B: Pepsin
		PHẦN VII. HOÁ CHẤT DÙNG CHO MÁY KX21						ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN
144	KX.1	Dung dịch pha loãng	357	56.02	120	Hộp	20L	"Dung dịch pha loãng mẫu, Sodium salts <1.0%, Natrium azide <0.05%, PH 7.8 ±0.1, Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485 hoặc tương đương
145	KX.2	Dung dịch ly giải hồng cầu	357	1.40	120	Hộp	0.5L	"Dung dịch phá vỡ hồng cầu, giải phóng HGB. Thành phần: Ammonium salts < 1.5%, Sodium salts < 2%, PH 5.35 ± 0.4, tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485 hoặc tương đương
146	KX.3	Dung dịch rửa máy	357	0.28	60	Hộp	100 ml	Dung dịch rửa kiểm mạn Sodium hypochlorite < 4.0%, Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485 hoặc tương đương
		PHẦN VIII. HOÁ CHẤT DÙNG CHO MÁY SWEALAB ALPHA						ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN
147	SW.1	Dung dịch pha loãng Alfa Diluent	588	34.01	20	Thùng	20 lít	- Chức năng: Là dung dịch pha loãng máu dùng cho việc đếm và định cỡ tế bào. Thành phần: + Muối ổn định isotonic <1.5%; Thuốc chống vi trùng <0.1%; Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485 hoặc tương đương

148	SW.2	Dung dịch ly giải Alfa Lyse	588	8.50	20	Thùng	5 lít	- Chức năng: Là dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu, không chứa cyanide lytic, dùng để đếm và định cỡ tế bào. - Thành phần: + Muối bậc 4 <1.0%; Muối <1.5%. Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
149	SW.3	Máu chuẩn dùng cho phân tích huyết học 3 thành phần			5	Bộ	3x4.5ml/bộ	- Chức năng: Là máu chuẩn để hiệu chuẩn cho các thông số đo, tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
		PHẦN IX. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC SYSMEX XN-1000						ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN
150	XN.1	Cell Clean Auto	20L./023		5	Hộp	4mL x 20	Công dụng: dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống Bảo quản: 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp Thành phần: Sodium Hypochloride 5.0% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của
151	XN.2	Cellpack DCL			20	Hộp	20L x 1	Công dụng: sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiêu cầu, cũng là chất ly giải để đo Hemoglobin, và là dung dịch tạo dòng cho phương pháp đo tế bào dòng chảy Thành phần: Sodium chloride 0.7%; Tris buffer 0.2%; EDTA-2K 0.02% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của
152	XN.3	Flourocell WDF			5	Hộp	42ml x 2	Công dụng: sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của
153	XN.4	Flourocell WNR			5	Hộp	82ml x 2	Công dụng: sử dụng để nhuộm nhân tế bào nhằm đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân Thành phần: Polymethine 0.005%; Ethylene Glycol 99.9% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
154	XN.5	Lysercell WDF			5	Hộp	5L x 1	Công dụng: sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.07%; Nonionic surfactant 0.17% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
155	XN.6	Lysercell WNR			5	Hộp	5L x 1	Công dụng: sử dụng để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.20%; Nonionic surfactant 0.10%
156	XN.7	Sulfolyser			5	Hộp	500ml x 3	Công dụng: sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu Thành phần: Sodium lauryl sulfate 1.7 g/L Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của
157	XN.8	XN Cal			6	Lọ	3ml x 1	Công dụng: Chất hiệu chuẩn cho máy huyết học, bao gồm các thông số WBC, RBC, HGB, HCT, PLT, RET Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
158	XN.9	XN check level 1			6	Lọ	3ml x 1	Công dụng: Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị

159	XN.10	XN check level 2			6	Lọ	3ml x 1	Công dụng: Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
160	XN.11	XN check level 3			6	Lọ	3ml x 1	Công dụng: Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
		PHẦN X. HOÁ CHẤT DÙNG CHO XÉT NGHIỆM KIỂM CHUẨN						ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN
161	KC.1	Chất nội kiểm sinh hóa level 2	2		4	Hộp	(20x5mL)/Hộp	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa 66 thông số xét nghiệm. Độ thẩm thấu khoảng 300mOsm/kg. Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
162	KC.2	Chất nội kiểm sinh hóa level 3			4	Hộp	(20x5mL)/Hộp	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa 66 thông số xét nghiệm. Độ thẩm thấu khoảng 300mOsm/kg. Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở 2°C - 8°C. Sau khi hoàn nguyên mẫu ổn định trong vòng 7 ngày ở 2°C - 8°C hoặc 28 ngày ở - 20°C
163	KC.3	Chất nội kiểm sinh hóa Clinical Chemistry calibration serum level 2	1		4	Hộp	(20x5mL)/Hộp	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa 38 thông số xét nghiệm. Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
164	KC.4	Chất nội kiểm đông máu Coagulation control level 1	1		4	Hộp	(12x1mL)/Hộp	Dạng đông khô tăng độ ổn định, 100% nguyên liệu từ người, chứa 16 thông số. Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
165	KC.5	Chất nội kiểm đông máu Coagulation control level 2	1		4	Hộp	(12x1mL)/Hộp	Dạng đông khô tăng độ ổn định, 100% nguyên liệu từ người, chứa 16 thông số. Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
166	KC.6	Chất nội kiểm đông máu Coagulation control level 3	1		4	Hộp	(12x1mL)/Hộp	Dạng đông khô tăng độ ổn định, 100% nguyên liệu từ người, chứa 16 thông số. Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
167	KC.7	Chất nội kiểm nước tiểu Liquid Urinalysis Control	1		4	Hộp	(12x12mL)/Hộp	Dạng lỏng sử dụng ngay, 100% Nước tiểu người, chứa 13 thông số. Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
168	KC.8	Chất nội kiểm nước tiểu Liquid Urinalysis Control level 2	1		4	Hộp	(12x12mL)/Hộp	Dạng lỏng sử dụng ngay, 100% Nước tiểu người, chứa 13 thông số. Tương thích với máy tại đơn vị. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
		PHẦN XI. HOÁ CHẤT SINH PHẨM XÉT NGHIỆM SINH HỌC PHẦN TỬ MÁU TANBead Nucleic						ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN
169	TA.1	Bộ kit chuẩn bị mẫu RNA/DNA			300	Test	100 test/ Bộ	- Kit tách DNA/RNA virus từ các mẫu khác nhau huyết thanh, huyết tương, dịch cơ thể, mô, tằm bông, ... - Không cần thêm carrier RNA - Cột màng sợi thủy tinh - Thành phần: VL, VW-1, VW-2 (Bottle), RNase free water, Proteinase K, Capsule Column. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương

170	TA.2	Kit tách chiết DNA mẫu máu, vi khuẩn gram dương, vi khuẩn Gram âm, thực vật, mô động vật và nấm			300	Test	50 test/ Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Kit tách DNA từ nhiều loại mẫu khác nhau - Loại mẫu chính: máu, vi khuẩn, thực vật, tế bào động vật - Màng: glass fiber - Lượng DNA bám trên cột: 20 ug DNA/cột - Bao gồm lysozyme để tách vi khuẩn Gram dương - Thành phần: buffer GD1, GD2, PPB, GB, WB Bottle, Proteinase K, Lysozyme, Help B, RNase A, DNA Hydration Solution, Spin <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương</p>
171	TA.3	Kit realtime PCR định lượng HBV			300	Test	25 test/ Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật: Real-time PCR - Trình tự đích: Trình tự DNA bảo thủ ở khung đọc mở X (ORF_x) - Độ đặc hiệu: HBV genotype A - H, HBV đột biến tiền lõi (âm tính với HBeAg), 100% - Độ nhạy (Giới hạn phát hiện): chỉ từ 78 cp/ml 13.9 IU/ml với xác suất 95% - Kiểm soát ức chế PCR và kiểm soát năng suất tách chiết ADN (ISEX) - Mẫu đầu vào: Huyết tương, huyết thanh - Kênh màu yêu cầu: FAM, HEX <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương</p>
172	TA.4	Bộ xét nghiệm Human Papilloma Virus (HPV)			300	Test	100 test/ Bộ	<p>Bộ Kit phát hiện 14 tuýp HPV nguy cơ cao từ mẫu phết cổ tử cung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kiểu gen (Genotyping) HPV type 16, 18 và phát hiện 12 tuýp HPV nguy cơ cao khác (HPV 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58, 59, 66, và 68) - Công nghệ: Multiplex real time PCR - Chứng nội: β-globin ngăn ngừa tình trạng âm tính giả - Bao gồm Uracil-DNA Glycosylase (UDG) chống nhiễm - Kênh màu huỳnh quang sử dụng: FAM, VIC, CY5, ROX - Độ nhạy lâm sàng ≥ 98.3% - Độ đặc hiệu lâm sàng ≥ 99.1% - Giới hạn phát hiện (LoD): 1×10⁻¹~1×10⁻² bản sao/phản ứng - Sử dụng được với loại các mẫu xét nghiệm tế bào dạng lỏng ThinPrep và SurePath <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương</p>
173	TA.5	Strip dùng cho máy realtime PCR 0.1ml			6	Hộp	120 strip/ Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Không chứa DNase, RNase, PCR inhibition - Nắp trong, thân trắng <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của</p>
174	TA.6	Cồn tuyệt đối			2	Chai	1000 ml/ Chai	<p>Ethanol tuyệt đối</p> <p>Công thức hóa học: C₂H₅OH</p> <p>Khối lượng phân tử: 46.07 g/mol</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của</p>
175	TA.7	Đầu côn có lọc 10ul			10	Hộp	96 tip/ Hộp	<p>Đầu côn có lọc, lưu mẫu thấp, được làm bằng nhựa polypropylene, tiệt trùng.</p> <p>Dung tích: 10 μl</p> <p>Màu sắc: không màu, trong suốt</p> <p>Không chứa DNase, RNase, Proteins, DNA, pyrogen và tạp chất kim loại. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị</p>
176	TA.8	Đầu côn có lọc 20ul			10	Hộp	96 tip/ Hộp	<p>Đầu côn có lọc, lưu mẫu thấp, được làm bằng nhựa polypropylene, tiệt trùng.</p> <p>Dung tích: 20 μl</p> <p>Màu sắc: không màu, trong suốt</p> <p>Không chứa DNase, RNase, Proteins, DNA, pyrogen và tạp chất kim loại. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị</p>

177	TA.9	Đầu côn có lọc 100ul			10	Hộp	96 tip/ Hộp	Đầu côn có lọc, lưu mẫu thấp, được làm bằng nhựa polypropylene, tiệt trùng. Dung tích: 100 µl Màu sắc: không màu, trong suốt Không chứa DNase, RNase, Proteins, DNA, pyrogen và tạp chất kim loại. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
178	TA.10	Đầu côn có lọc 200ul			10	Hộp	96 tip/ Hộp	Đầu côn có lọc, lưu mẫu thấp, được làm bằng nhựa polypropylene, tiệt trùng. Dung tích: 200 µl Màu sắc: không màu, trong suốt Không chứa DNase, RNase, Proteins, DNA, pyrogen và tạp chất kim loại. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
179	TA.11	Đầu côn có lọc 1000ul			10	Hộp	96 tip/ Hộp	Đầu côn có lọc, lưu mẫu thấp, được làm bằng nhựa polypropylene, tiệt trùng. Dung tích: 1000 µl Màu sắc: không màu, trong suốt Không chứa DNase, RNase, Proteins, DNA, pyrogen và tạp chất kim loại. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
180	TA.12	Ống đựng mẫu 1,5ml tiệt trùng			10	Lọ	300 cái/ Lọ	Tiệt trùng điện Thành phần: Polypropylene Sử dụng ngay không cần hấp khử trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
181	TA.13	Ống falcon 15ml			15	Cái	25 cái/ túi	Chất liệu: polypropylene (ống)/polyethylene (nắp) Tiệt trùng: bằng điện Màu sắc: không màu, trong suốt Thể tích: 15ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
182	TA.14	Ống falcon 50ml			15	Cái	25 cái/ túi	Chất liệu: polypropylene (ống)/polyethylene (nắp) Tiệt trùng: bằng điện Màu sắc: không màu, trong suốt Thể tích: 50ml . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
183	TA.15	Nước dùng trong sinh học phân tử			6	Chai	500ml/ Chai	- Không chứa DNase, , Protease, RNase - Molecular Biology Grade - pH: 6-8 - Phương pháp tinh sạch: lọc qua màng 0.1-µm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương, tương thích với máy của đơn vị
		PHẦN XII.HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY KHÍ MÁU GEM 3500 (Nhà thầu cam kết cho mượn máy xét nghiệm trong suốt quá trình sử dụng hoá chất)						ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO THEO PHẦN
184	GE.1	CartridgeIQM khí máu, điện giải, Glu, Lac và Hct -			2	Hộp	75 tests/hộp	Cartridge xét nghiệm khí máu, điện giải, chuyển hóa, xét nghiệm các thông số: pH, pO ₂ , pCO ₂ , Hct, Na ⁺ , K ⁺ , Ca ⁺⁺ , Glucose và Lactate có tích hợp quản lý chất lượng IQM.
185	GE.2	Hộp hóa chất chuẩn mức độ 1			1	Hộp	20 ống/hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn giá trị pH, pO ₂ , Na ⁺ , K ⁺ , Glucose, Lactate mức thấp và pCO ₂ , Ca ⁺⁺ mức cao
186	GE.3	Hộp hóa chất chuẩn mức độ 2			1	Hộp	20 ống/hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn giá trị pH, pO ₂ , Na ⁺ , K ⁺ , Glucose, Lactate mức cao và pCO ₂ , Ca ⁺⁺ mức thấp
187	GE.4	Hộp hóa chất chuẩn mức độ 3			1	Hộp	20 ống/hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn giá trị Hematocrit thấp
188	GE.5	Hộp hóa chất chuẩn mức độ 4			1	Hộp	20 ống/hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn giá trị Hematocrit bình thường

189	GE.6	Bơm tiêm lấy máu trắng heparin			3	Hộp	50 cái/hộp	Có tráng sẵn Heparin Chứa 50I.U heparin
		PHẦN XIII. SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG XÉT NGHIỆM						ĐỀ NGHỊ NHÀ THẦU CHÀO RIÊNG LẺ TỪNG MẶT HÀNG
190	XIII.1	Que test nhanh định tính HEV			300	Test	Theo quy cách NSX	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgG/IgM kháng HEV trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần: Kháng nguyên HEV tái tổ hợp (~0.84µg); IgG-chuột (~0.3µg); Kháng thể chuột kháng IgM người (~1.2µg); Kháng thể chuột kháng IgG người (~1.2µg); IgG-dê kháng chuột (~0.72µg). Độ nhạy ≥ 93.3%; Độ đặc hiệu ≥ 98.6%; Độ chính xác tương quan ≥ 97.9%. Không bị gây nhiễu bởi các chất có nồng độ Gentisic acid 20 mg/dl, Acetaminophen 20 mg/dl, Uric acid 20mg/dl. Không phản ứng chéo với các mẫu phẩm dương tính với HBV, HIV, HCV, Syphilis Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 hoặc tương đương
191	XIII.2	Que test nhanh định tính HAV			300	Test	Theo quy cách NSX	Định tính phát hiện HAV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. - Giới hạn phát hiện 5 IU/ml. Không tương tác với các mẫu mỡ máu, vàng da, ly giải máu, mẫu chứa yếu tố dạng thấp. - Độ nhạy > 98% ; Độ đặc hiệu > 97.5% ; Khoảng tin cậy: 95% - Sử dụng mẫu thử huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện các kháng thể IgM và IgG
192	XIII.3	Que test nhanh định tính HIV COMBO			3000	Test	Theo quy cách NSX	Phát hiện được cả kháng nguyên P24 của HIV 1; kháng thể kháng HIV 1 và kháng thể kháng HIV 2. Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu ≥ 99,72%. Cho kết quả nhanh trong vòng 20 phút. Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Hoạt chất chính: pTB319 antigen, pGO11 Antigen, gp41 antigen RA43, gp36 antigen RA31, subtype-O antigen RA22, p24 antibody (SD), p24 antibody 2a12-2, p24 antibody 99961.
193	XIII.4	Que test nhanh định tính HIV loại số 1			10000	Test	Theo quy cách NSX	Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu ≥ 99,75%. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút. Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Hàm lượng chính: Antibody Anti HIV-1, Antibody Anti HIV-2, Antigen (pGo9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen (pGo11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen (PjC100)HIV-2, Antigen (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen (pTB319/XL-1) HIV-1, HIV-1 peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen. Sinh phẩm nằm trong Khuyến cáo Phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV Quốc gia của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung Ương năm 2020
194	XIII.5	Que test nhanh định tính HIV loại số 2			2000	Test	Theo quy cách NSX	Độ nhạy > 99%, độ đặc hiệu ≥ 99%, - Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Không có phản ứng chéo với các mẫu thẩm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. Kit thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm. - Nằm trong khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020.

195	XIII.6	Que test nhanh định tính HBsAg loại số 1			10000	Test	Theo quy cách NSX	<p>Độ nhạy $\geq 98,4\%$, độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$;</p> <p>- Giới hạn phát hiện ≥ 0.1 IU/ml. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút. Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Sử dụng được cho tất cả các loại mẫu bệnh phẩm bao gồm: Huyết thanh, huyết tương, máu tĩnh mạch, máu đầu ngón tay của Người.</p> <p>- Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg.</p> <p>- Hàm lượng : Anti-HBs antibody A1 ; Anti-HBs antibody B1; Anti-HBs antibody B2 ; Anti-HBs antibody B3 ; Kháng thể trên thanh kiểm soát</p> <p><u>Đạt Chứng chỉ xét nghiệm: CE IVD; WHO PQ hoặc tương đương</u></p>
196	XIII.7	Que test nhanh định tính HBsAg loại số 2			2,000	Test	Theo quy cách NSX	<p>- Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.</p> <p>- Hoạt chất chính: các kháng thể kháng HBsAg.</p> <p>- Độ nhạy tương quan: 100%</p> <p>- Độ đặc hiệu tương quan: 99,4%</p> <p>- Độ chính xác tương quan: 99,7%.</p> <p>- Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100%</p> <p>- Ngưỡng phát hiện (LOD): 1 ng/mL.</p> <p>- Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HAV, Syphilis, yếu tố dạng thấp (RF), HIV, H.pylori, CMV, Rubella. - Không bị gây nhiễu bởi các mẫu bị tán huyết, lipid máu và các mẫu chứa 2000 mg/dL Hemoglobin,</p> <p>- Phân loại TTBYT: D</p> <p>- <u>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485:2016</u></p>
197	XIII.8	Que test nhanh định tính HBeAg			1000	Test	Theo quy cách NSX	<p>Định tính phát hiện kháng nguyên HBeAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Cặp kháng thể chuột kháng HBeAg. Độ nhạy tương quan: 100.0%, Độ đặc hiệu tương quan $\geq 98,8\%$, Độ chính xác tương quan $\geq 99,14\%$. Không bị nhiễu bởi các chất với nồng độ tương ứng sau đây: Ascorbic acid 20 mg/mL, Bilirubin 1000 mg/dL, Caffeine 20 mg/dL. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính với yếu tố dạng thấp (RF), HAV, Syphilis, HIV, H.pylori, CMV, Rubella.</p> <p><u>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 hoặc tương đương</u></p>
198	XIII.9	Que test nhanh định tính HCV			10000	Test	Theo quy cách NSX	<p>Định tính phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương hoặc máu toàn phần của người.</p> <p>- Cộng hợp vàng: Keo vàng - Protein A; Vạch thử: Kháng nguyên tái tổ hợp HCV (kháng nguyên lõi, NS3, NS4, NS5); Vạch chứng: Kháng thể kháng Immunoglobulin người từ dê. Màng nitrocellulose: 25±5 x 4.5±0.9mm;</p> <p>- Độ nhạy >99%, độ đặc hiệu: >99% so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-</p>
199	XIII.10	Que test nhanh định tính ma túy 4 chân (MOP - AMP - MET - THC)			8000	Test	Theo quy cách NSX	<p>Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu: Amphetamine, Methamphetamine, Morphine và Marijuana (THC) (Panel thử phát hiện AMP/MET/MOP/THC) trong nước tiểu người</p> <p>Hoạt chất chính: Kháng thể kháng AMP, Kháng thể kháng MET, Kháng thể kháng MOP, Kháng thể kháng THC, cộng hợp AMP-BSA, cộng hợp MET-BSA, cộng hợp MOP-BSA, cộng hợp THC-BSA</p> <p>1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml 2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml 3, AMP: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/ml 4, THC: Ngưỡng phát hiện (cut off) 50 ng/ml</p> <p>Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100%</p> <p><u>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 hoặc tương đương</u></p>

200	XIII.1 1	Que test nhanh định tính Dengue NS1			6000	Test	Theo quy cách NSX	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Độ nhạy $\geq 92,4\%$ và độ đặc hiệu $\geq 98,4\%$ - Không cần dung dịch pha loãng.
201	XIII.1 2	Que test nhanh định tính Influenza actige			6000	Test	Theo quy cách NSX	Mẫu thử: Dịch mũi, họng - Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B - Độ nhạy cúm A > 86,5% ; Độ đặc hiệu cúm A: >94,0 % ; - Độ nhạy cúm B > 91,5% ; Độ đặc hiệu cúm B > 97,5% - Độ nhạy và độ đặc hiệu so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR.
202	XIII.1 3	Que thử nước tiểu 10 thông số dùng cho máy phân tích nước tiểu Clinitek Status			50000	Test	Theo quy cách NSX	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động
203	XIII.1 4	Thạch Sabouraud			60	đĩa	Theo quy cách NSX	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường có pH thấp thường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men.
204	XIII.1 5	Thạch MacConkey			60	đĩa	Theo quy cách NSX	Môi trường phân lập và phân biệt cho các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng
205	XIII.1 6	Blood Agar Base + 5% Sheep Blood			60	đĩa	Theo quy cách NSX	Môi trường nuôi cấy sử dụng cho phục hồi và tăng trưởng các loại vi khuẩn khó mọc
206	XIII.1 7	Thạch Nutrient			60	đĩa	Theo quy cách NSX	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn dễ mọc
207	XIII.1 8	Bộ huyết thanh mẫu định nhóm máu ABO			40	bộ	Bộ 3 lọ x 10mL	- Anti A: Thuốc thử định tính kháng nguyên A trên tế bào hồng cầu. Màu sắc: xanh lam; thuốc nhuộm: patent blue; dòng tế bào: BIRMA-1 - Anti B: Thuốc thử định tính kháng nguyên B trên tế bào hồng cầu. Màu sắc: vàng; thuốc nhuộm: tartrazine; dòng tế bào: LB-2 - Anti AB: Thuốc thử định tính kháng nguyên A,B trên tế bào hồng cầu. Màu sắc: không màu; thuốc nhuộm: không; dòng tế bào: ES-15/ES-4
208	XIII.1 9	Huyết thanh định tính nhóm máu RH (Anti D)			6	bộ	Lọ 10mL	Thuốc thử định tính kháng nguyên A trên tế bào hồng cầu. Màu sắc: vàng rom/trong suốt; thuốc nhuộm: Patent blue; dòng tế bào: MS-26/RUM-1

209	XIII.2 0	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi rút SARS-CoV-2			12000	test	Theo quy cách NSX	<p>Định tính phát hiện kháng nguyên SARS-Cov-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người. Sử dụng các cặp kháng thể đơn dòng có độ nhạy và độ đặc hiệu cao đối với kháng nguyên SARS-Cov-2 (protein N và protein S).</p> <p>Độ nhạy tương quan $\geq 96,30\%$. Độ đặc hiệu tương quan $\geq 99,75\%$. Độ chính xác tương quan $\geq 99,02\%$.</p> <p>- Ngưỡng phát hiện ≥ 142 TCID₅₀/mL với vi rút SARS-CoV-2 nuôi cấy bất hoạt và 0,1ng/mL với kháng nguyên tái tổ hợp SARS-Cov-2.</p> <p>- Không phản ứng chéo với Influenza A H1N1 và H5N1 ở nồng độ $1,0 \times 10^5$ PFU/mL</p> <p>- Bao gồm: khay thử, que lấy mẫu vô trùng, ống chiết mẫu có nắp nhỏ giọt</p>
210	XIII.2 1	Cống đựng dung dịch phân ứng			6000	cái	Theo quy cách NSX	<p>- Làm bằng nhựa PS (Polystyrene) 2mL chất lượng cao, trong suốt, không chứa kim loại.</p> <p>Kích thước: (dài) 3.8cm x (đường kính miệng) 1.6cm x (đường kính đáy) 1cm</p>
211	XIII.2 2	Đầu côn vàng			6000	cái	Theo quy cách NSX	<p>'- Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip sắc (có khía), không vô trùng</p> <p>- Thể tích tối đa 200ul (tương đương 0.2ml)</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 hoặc tương đương</p>
212	XIII.2 3	Đầu côn xanh			6000	cái	Theo quy cách NSX	<p>'- Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip sắc (có khía), không vô trùng</p> <p>- Thể tích tối đa 1.000ul (tương đương 1ml)</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485</p>
213	XIII.2 4	Ống Eppendorf 1.5ml			6000	cái	Theo quy cách NSX	<p>'- Ống làm bằng nhựa PP, có nắp đậy liền thân, chưa tiệt trùng, không có nhãn</p> <p>- Chia vạch thể tích đến 1.5ml</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 hoặc tương đương</p>
214	XIII.2 5	Ống nghiệm EDTA			200000	ống	Theo quy cách NSX	<p>- Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp cao su bọc nhựa màu xanh dương.</p> <p>- Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) K2 kháng đông cho 2mL máu với vạch lấy mẫu 2mL trên nhãn ống.</p> <p>- Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương</p>
215	XIII.2 6	Ống nghiệm Heparin			120000	ống	Theo quy cách NSX	<p>- Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml ± 0.1ml, nắp nhựa LDPE màu đen.</p> <p>- Bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút</p> <p>- Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2mL máu với vạch lấy mẫu 2mL trên nhãn ống.</p> <p>- Dùng xét nghiệm Ion đồ Na⁺, K⁺, Ca²⁺, Cl⁻... trừ Li⁺. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH₃ và định lượng Alcohol trong máu.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>
216	XIII.2 7	Ống nghiệm Natri Citrate			7200	ống	Theo quy cách NSX	<p>- Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml ± 0.1ml, nắp nhựa LDPE màu xanh lá cây.</p> <p>- Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate Dihydrate 3.8%</p> <p>- Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút</p> <p>- Hóa chất bên trong dùng kháng đông 2mL máu với vạch lấy mẫu 2mL máu trên nhãn ống</p> <p>- Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương</p>
217	XIII.2 8	Ống nghiệm EDTA nắp cao su			12000	ống	Theo quy cách NSX	<p>- Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 mm, dung tích tối đa 6 ml, nắp cao su bọc nhựa</p> <p>- Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2) có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương</p>

218	XIII.2 9	Thẻ nhóm máu ABO- Eldoncard			300	thẻ	Theo quy cách NSX	Thành phần: Ô anti A chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti A IgM dòng Birma-1 (Hiệu giá $\geq 1:32$); Ô anti B chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti B IgM dòng LB-2 (Hiệu giá $\geq 1:32$); Ô control chỉ chứa dung dịch đệm photphat. - Thiết kế 2 test nằm cạnh nhau, thuận tiện khi viết thông tin, không chạm vào hóa chất trên thẻ.
219	XIII.3 0	Bộ nhuộm Giemsa			2		Theo quy cách NSX	Crystal Violet Gram's Iodine Dung dịch tẩy màu Safranin 4*100ml, sử dụng để nhuộm vi khuẩn, tránh ánh sáng trực tiếp, bảo quản 10-30 độ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương
220	XIII.3 1	Côn Benzoin dùng cho nhuộm Giemsa			2		Theo quy cách NSX	C14H12O2, chất cản quang, dùng cho nhuộm Giemsa
221	XIII.3 2	Lam kính			20		Theo quy cách NSX	Lam kính (trơn) hoặc Lam kính (nhám) Kích thước: 25.4 x 76.2mm, Độ dày: 1 – 1.2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương
222	XIII.3 3	Lá kính 22*22mm			10		Theo quy cách NSX	Dùng để mẫu làm tiêu bản soi kính hiển vi, thường được dùng cho nghiên cứu sinh học, xét nghiệm y hoặc tế bào, đặc biệt dùng để quan sát tế bào ung thư Kích thước 22x22mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương
223	XIII.3 4	Lá kính 22*40mm			10		Theo quy cách NSX	Dùng để mẫu làm tiêu bản soi kính hiển vi, thường được dùng cho nghiên cứu sinh học, xét nghiệm y hoặc tế bào, đặc biệt dùng để quan sát tế bào ung thư Kích thước 22x40mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương
224	XIII.3 5	Tăm bông lấy dịch âm đạo			1000		Theo quy cách NSX	Chuyên dụng để lấy bệnh phẩm là quét âm đạo hoặc quét cổ tử cung dùng trong xét nghiệm vi sinh. Tăm bông được chứa trong ống nhựa có chiều dài 180mm và đường kính 10mm. Chiều dài của que tăm bông là 100mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương
225	XIII.3 6	Que Spatula lấy mẫu phết lam xét nghiệm PAP			500		Theo quy cách NSX	Que lấy mẫu bệnh phẩm, que xét nghiệm Spatula được chế tạo bằng gỗ thông đã trích nhựa dùng để lấy tế bào và niêm dịch cổ tử cung, phát hiện sớm ung thư cổ tử cung nhanh và chính xác. - Không làm tổn thương cổ tử cung của bệnh nhân. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương
226	XIII.3 7	Bộ hoá chất nhuộm Papanicolaou			1		Theo quy cách NSX	Bộ 4 chai 4*500ml, Hoá chất nhuộm Papa 2b Orange Hoá chất nhuộm Papa 2a OG6 Hoá chất nhuộm Papa 1a Haris Hoá chất nhuộm Papa 3b EA50 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương

Tổng: 226 Khoản